

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
Ngày 19/9/2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành
Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH14;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Pháp lệnh số 05/2026/UBTVQH16 (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 123/2026/VBHN-PL-VPQH);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về việc công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và các biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây gọi là Pháp lệnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh (sau đây gọi là người có công).
- Thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Pháp lệnh (sau đây gọi là thân nhân).
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với chính sách ưu đãi người có công theo quy định của Pháp lệnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Người làm nghĩa vụ quốc tế là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở nước ngoài hoặc thực hiện

nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở nước ngoài theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo các mốc thời gian như sau:

a) Làm nghĩa vụ quốc tế ở Lào: thời gian từ tháng 5 năm 1975 đến 31 tháng 12 năm 1988.

b) Làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia: thời gian từ tháng 01 năm 1979 đến 31 tháng 8 năm 1989.

c) Làm nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở nước ngoài: thời gian từ tháng 5 năm 2014 trở về sau.

2. Thân nhân của người hưởng chế độ ưu đãi bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi).

3. Đại diện thân nhân là cá nhân hoặc pháp nhân được các thân nhân giao đại diện theo quy định của pháp luật dân sự.

4. Con của người có công nếu còn tiếp tục đi học là người đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ bậc mầm non đến trình độ đại học.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ THỜI ĐIỂM HƯỞNG CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Mục 1

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG TRƯỚC NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 1945

Điều 4. Điều kiện, tiêu chuẩn công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945

Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh là người được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

1. Đã tham gia một tổ chức cách mạng hoặc đã thực sự hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

2. Được kết nạp hoặc được kết nạp lại vào Đảng Cộng sản Đông Dương trước ngày 19 tháng Tám năm 1945.

Việc công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 thực hiện theo quy định tại Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 24 tháng 12 năm 1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) “Về chính sách, chế độ đối với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm”, Thông tri số 07-TT/TC ngày 21 tháng 3 năm 1979 của Ban Tổ chức Trung ương “Hướng dẫn vận dụng tiêu chuẩn và xác nhận những đối tượng được hưởng chính sách, chế độ đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 19 tháng Tám năm 1945”.

Điều 5. Căn cứ lập hồ sơ

Một trong các căn cứ sau:

1. Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1962 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.
2. Lý lịch khai trong Cuộc vận động bảo vệ Đảng theo Chỉ thị số 90-CT/TW ngày 01 tháng 3 năm 1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III).
3. Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.
4. Hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập.
5. Hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ lịch sử hoặc bảo tàng lịch sử của cơ quan Đảng, Nhà nước.
6. Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.
7. Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

Điều 6. Thẩm quyền ban hành quyết định công nhận

1. Người hoạt động cách mạng thuộc ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý thì Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.
Trường hợp người hoạt động cách mạng chỉ thuộc cấp ủy địa phương quản lý thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy nơi người đó hoạt động cách mạng trước năm 1945 xem xét, quyết định.
2. Người hoạt động cách mạng thuộc quân đội thì Tổng cục Chính trị xem xét, quyết định.
3. Người hoạt động cách mạng thuộc công an thì Ban Thường vụ Đảng ủy công an Trung ương xem xét, quyết định.

Điều 7. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận
 - a) Bản khai.
 - b) Giấy tờ là căn cứ lập hồ sơ quy định tại Điều 5 Nghị định này.
2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi
 - a) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.
 - b) Quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.
 - c) Quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 8. Thời điểm hưởng

1. Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 được hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng kể từ tháng ban hành quyết định công nhận.
2. Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân hoặc đại diện người thừa kế được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm công nhận.

Mục 2

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 1945 ĐẾN NGÀY KHỎI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

Điều 9. Điều kiện, tiêu chuẩn công nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

1. Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh.
2. Danh mục ngày khởi nghĩa tại các địa phương theo quy định tại Phụ lục II Nghị định này.

Điều 10. Căn cứ lập hồ sơ

Một trong các căn cứ sau:

1. Lý lịch của cán bộ, đảng viên khai từ năm 1969 trở về trước do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý.
2. Lý lịch đảng viên khai năm 1975, 1976 theo Thông tri số 297/TT-TW ngày 20 tháng 4 năm 1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) đối với người hoạt động cách mạng do cơ quan, tổ chức đề thất lạc lý lịch khai từ năm 1969 trở về trước hoặc người hoạt động cách mạng được kết nạp vào Đảng sau năm 1969 hoặc người hoạt động liên tục ở các chiến trường B, C, K từ năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.
3. Hồ sơ khen thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập.
4. Hồ sơ, tài liệu đang lưu giữ tại cơ quan lưu trữ lịch sử hoặc bảo tàng lịch sử của cơ quan Đảng, Nhà nước.
5. Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.
6. Lịch sử đảng bộ từ cấp xã trở lên được các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và cấp phép xuất bản.

Điều 11. Thẩm quyền ban hành quyết định công nhận

1. Người hoạt động cách mạng thuộc ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương quản lý thì Ban Thường vụ Đảng ủy trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định.
- Trường hợp người hoạt động cách mạng chỉ thuộc cấp ủy địa phương quản lý thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy nơi người đó hoạt động cách mạng từ

ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 xem xét, quyết định.

2. Người hoạt động cách mạng thuộc quân đội thì Tổng cục Chính trị xem xét, quyết định.

3. Người hoạt động cách mạng thuộc công an thì Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương xem xét, quyết định.

Điều 12. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

a) Bản khai.

b) Giấy tờ là căn cứ lập hồ sơ quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định công nhận Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

c) Quyết định cấp giấy chứng nhận và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 13. Thời điểm hưởng

1. Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 được hưởng trợ cấp hằng tháng từ tháng ban hành quyết định công nhận.

2. Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân hoặc đại diện người thừa kế được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm công nhận.

Mục 3

LIỆT SĨ VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ

Điều 14. Điều kiện, tiêu chuẩn công nhận liệt sĩ

1. Trực tiếp phục vụ chiến đấu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định là thực hiện các nhiệm vụ trong lúc trận đánh đang diễn ra hoặc trong khi địch đang bắn phá: cứu thương, tải thương, tải đạn, đảm bảo thông tin liên lạc, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu.

2. Địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định theo quy định tại Phụ lục III Nghị định này.

3. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đặc thù, khó khăn, nguy hiểm hoặc ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định như sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đặc thù, khó khăn, nguy hiểm bao gồm:

Huấn luyện chiến đấu, diễn tập phục vụ quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong các trường hợp: bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa, thiên tai; trên không; trên sông, biển; dưới mặt nước, lòng đất, trong công trình ngầm quốc phòng, an ninh; huấn luyện chiến đấu, diễn tập của các lực lượng: đặc công, trinh sát đặc nhiệm, cảnh sát cơ động, đặc nhiệm.

Thực hiện nhiệm vụ: chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; trên không; trên sông, biển; dưới mặt nước, lòng đất; tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; rà phá, xử lý, tiêu hủy bom mìn, vật liệu nổ; xử lý chất độc tồn lưu sau chiến tranh; nghiên cứu, thử nghiệm, chế tạo, sản xuất, bảo quản, bảo dưỡng, vận chuyển thuốc phóng, thuốc nổ, vũ khí, đạn dược, hóa chất độc, phóng xạ; xây dựng công trình ngầm quốc phòng, an ninh; xây dựng tuyến biên giới; lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị quân sự trên cao, cách sàn làm việc 30m trở lên; trinh sát đặc nhiệm, trinh sát ngoại tuyến; trinh sát biên phòng, cảnh sát biển; tuần tra, kiểm soát tuyến biên giới đất liền; làm nhiệm vụ mật.

b) Do ốm đau, tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo theo danh mục tại Phụ lục IV Nghị định này.

Không xem xét công nhận liệt sĩ đối với các trường hợp ốm đau ở nơi khác và đã được điều trị nhưng không chữa khỏi mà vẫn chuyển công tác về địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo theo danh mục tại Phụ lục IV Nghị định này”.

4. Nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh là trực tiếp thực thi nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Điều tra, phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ đối tượng phạm tội hoặc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự;

b) Ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật nhưng đối tượng có hành vi chống đối và sau đó bị xử lý về hình sự;

c) Trực tiếp tiếp xúc với đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đối tượng đã có tiền án, tiền sự để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ nhằm tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, răn đe nhưng đối tượng có hành vi chống đối và sau đó bị xử lý về hình sự.

Điều 15. Trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phát hiện hoặc lưu trữ các thông tin, tài liệu liên quan đến người hy sinh chưa được công nhận liệt sĩ có trách nhiệm cung cấp tới cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này làm căn cứ lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ.

Điều 16. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cá nhân tại thời điểm hy sinh có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh như sau:

1. Người hy sinh là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân, viên chức quốc phòng và người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt do thủ trưởng trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên cấp giấy chứng nhận; người hy sinh là người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ do thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ban trở lên.
2. Người hy sinh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách thuộc công an do thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh.
3. Người hy sinh thuộc cơ quan trung ương do Bộ trưởng hoặc cấp tương đương.
4. Người hy sinh thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý hoặc người hy sinh thuộc cơ quan cấp huyện quản lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
5. Người hy sinh thuộc cơ quan cấp xã hoặc các trường hợp đóng trên địa bàn không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 17. Căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh

1. Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh, việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở giấy xác nhận của các cơ quan, đơn vị sau:

a) Người hy sinh là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân, viên chức quốc phòng và người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt do thủ trưởng cấp tiểu đoàn và tương đương cấp; người hy sinh là người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ do thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị trực thuộc Ban cấp.

b) Người hy sinh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách trong công an do Trưởng công an cấp xã cấp.

c) Người hy sinh thuộc các cơ quan trung ương do thủ trưởng cấp vụ hoặc cấp tương đương cấp.

d) Người hy sinh không thuộc quy định tại các điểm a, b, c khoản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.

2. Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở các giấy tờ sau:

a) Quyết định cử đi làm nghĩa vụ quốc tế do thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp.

b) Biên bản xảy ra sự việc do cơ quan đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh lập; trường hợp không có biên bản xảy ra sự việc thì phải có giấy xác nhận trường hợp hy sinh do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này cấp.

3. Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải trên cơ sở các giấy tờ sau:

a) Văn bản giao làm nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; trường hợp hy sinh trong thời gian làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo thì phải kèm theo bản sao hoặc bản trích sao từ một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian công tác: lý lịch cán bộ; lý lịch quân nhân; lý lịch đảng viên; hồ sơ bảo hiểm xã hội.

b) Kết luận điều tra của cơ quan có thẩm quyền hoặc biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh lập đối với trường hợp tai nạn hoặc bản tóm tắt hồ sơ bệnh án thể hiện mắc bệnh trong thời gian công tác tại địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo;

c) Trường hợp hy sinh trong khi làm nhiệm vụ mật thì không phải cung cấp các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng cơ quan có thẩm quyền quản lý người hy sinh phải có văn bản khẳng định việc giao làm nhiệm vụ mật và chịu trách nhiệm về điều kiện, tiêu chuẩn đối với hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ.

4. Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ trên cơ sở bản kế hoạch công tác hoặc quyết định, danh sách phân công làm nhiệm vụ hoặc giấy xác nhận giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh; biên bản họp cấp ủy, lãnh đạo, cơ quan đơn vị quản lý người hy sinh thống nhất việc đề nghị công nhận liệt sĩ; bản án hoặc bản kết luận điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra.

Trường hợp không có bản án, bản kết luận vụ án của cơ quan điều tra thì phải kèm báo cáo kết thúc điều tra vụ việc hoặc báo cáo kết quả điều tra vụ việc của cơ quan điều tra có thẩm quyền và một trong các giấy tờ sau: Quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với trường hợp không xác định được đối tượng phạm tội; Quyết định truy nã bị can đối với trường hợp đối

tượng phạm tội bỏ trốn hoặc không xác định được nơi đối tượng thường trú; Quyết định gia hạn điều tra; Quyết định không khởi tố vụ án, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án, quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự hoặc đã chết.

Trường hợp bản án, bản kết luận vụ án, báo cáo kết thúc điều tra vụ việc hoặc báo cáo kết quả điều tra vụ việc không thể hiện rõ trường hợp hy sinh thì phải kèm theo biên bản xảy ra sự việc và báo cáo vụ việc của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh.

5. Đối với trường hợp hy sinh quy định tại điểm h khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ một trong các giấy tờ sau:

a) Biên bản xảy ra sự việc do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người hy sinh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự việc lập;

b) Kết luận của cơ quan điều tra có thẩm quyền.

6. Đối với trường hợp thương binh chết do vết thương tái phát quy định tại điểm i khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải căn cứ:

a) Bản sao biên bản giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể hoặc bản trích lục hồ sơ thương binh đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên chết.

b) Bản sao biên bản giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể hoặc bản trích lục hồ sơ thương binh đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80% chết và bản tóm tắt hồ sơ bệnh án hoặc xác nhận của cơ sở y tế đã điều trị cho thương binh ghi nhận nguyên nhân tử vong do vết thương tái phát.

7. Đối với trường hợp mất tích theo quy định tại các điểm e, g và h khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh việc cấp giấy chứng nhận hy sinh phải trên cơ sở căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh quy định tại các khoản 3, 4 hoặc khoản 5 Điều này, kèm theo quyết định của tòa án tuyên mất tích theo quy định của Bộ luật Dân sự.

8. Đối với trường hợp hy sinh hoặc mất tích trong kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Fulro quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh thì việc cấp giấy chứng nhận hy sinh thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 12 và Mục 13 Chương II Nghị định này.

Điều 18. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

a) Căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

b) Giấy chứng nhận hy sinh.

c) Tờ trình của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ.

d) Quyết định cấp Giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (nếu có) và các chế độ trợ cấp theo quy định.

Điều 19. Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”

1. Điều kiện cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”:

a) Người hy sinh đã được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh chưa được đổi thành Bằng “Tổ quốc ghi công” do Thủ tướng Chính phủ cấp.

b) Thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

2. Căn cứ để cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công” như sau:

a) Bản gốc Bằng “Tổ quốc ghi công” của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng “Tổ quốc ghi ơn” của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh.

b) Một trong các giấy tờ chứng minh thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi: Quyết định hưởng trợ cấp; sổ nhận trợ cấp ưu đãi; danh sách chi trả trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần khi báo tử có ký nhận của người hưởng trợ cấp; giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận được lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

3. Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp đổi theo mẫu hiện hành, do lãnh đạo Chính phủ đương nhiệm ký.

Điều 20. Hồ sơ cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”

1. Đơn đề nghị cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”.

2. Giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Điều 21. Điều kiện, hồ sơ cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”

1. Điều kiện cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”:

a) Bằng “Tổ quốc ghi công” bị mất, bị thiếu thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại;

b) Cơ quan có thẩm quyền sửa đổi thông tin trong hồ sơ liệt sĩ.

2. Bằng “Tổ quốc ghi công” cấp đổi theo mẫu hiện hành, do lãnh đạo Chính phủ đương nhiệm ký.

3. Hồ sơ cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”

a) Đơn đề nghị cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”.

b) Giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 22. Thu hồi Bằng “Tổ quốc ghi công”

1. Thu hồi Bằng “Tổ quốc ghi công” trong các trường hợp sau:

a) Công nhận liệt sĩ không đúng quy định theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

b) Người được công nhận liệt sĩ vẫn còn sống sau ngày cấp bằng.

c) Bằng “Tổ quốc ghi công” đã cấp trùng.

2. Thẩm quyền

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi Bằng “Tổ quốc ghi công”.

b) Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ quyết định chấm dứt các chế độ ưu đãi có liên quan đối với thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc thu hồi Bằng “Tổ quốc ghi công”.

c) Cơ quan quản lý công trình ghi công liệt sĩ thực hiện xóa tên liệt sĩ trên mộ liệt sĩ hoặc trên danh sách tại các công trình ghi công liệt sĩ (nếu có) và đề nghị di chuyển hài cốt ra ngoài nghĩa trang liệt sĩ.

Mục 4

BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

Điều 23. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

1. Bản khai đề nghị giải quyết chế độ.

2. Quyết định tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

3. Quyết định trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 24. Thời điểm hưởng

1. Bà mẹ Việt Nam anh hùng được hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng kể từ tháng Chủ tịch nước ký quyết định.

2. Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm Chủ tịch nước ký quyết định.

Mục 5

ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN, ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN

Điều 25. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

1. Bản khai đề nghị giải quyết chế độ.
2. Quyết định phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.
3. Quyết định trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 26. Thời điểm hưởng

1. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến được hưởng trợ cấp hằng tháng kể từ tháng Chủ tịch nước ký quyết định.
2. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm Chủ tịch nước ký quyết định.

Mục 6

THƯƠNG BINH, NGƯỜI HƯỞNG CHÍNH SÁCH NHƯ THƯƠNG BINH

Điều 27. Điều kiện, tiêu chuẩn công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (sau đây gọi chung là thương binh)

1. Trực tiếp phục vụ chiến đấu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định là thực hiện các nhiệm vụ trong lúc trận đánh đang diễn ra hoặc trong khi địch đang bắn phá: cứu thương, tải thương, tải đạn, đảm bảo thông tin liên lạc, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu.
2. Địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định theo quy định tại Phụ lục III Nghị định này.
3. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đặc thù, khó khăn, nguy hiểm hoặc ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định như sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đặc thù, khó khăn, nguy hiểm bao gồm:

Huân luyện chiến đấu, diễn tập phục vụ quốc phòng an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong các trường hợp: bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; chữa cháy; chống khủng

bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa, thiên tai; trên không; trên sông, biển; dưới mặt nước, lòng đất, trong công trình ngầm quốc phòng, an ninh; huấn luyện chiến đấu, diễn tập của các lực lượng: đặc công, trinh sát đặc nhiệm, cảnh sát cơ động, đặc nhiệm.

Thực hiện nhiệm vụ: chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; cứu hộ, cứu nạn, ứng cứu thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; trên không; trên sông, biển; dưới mặt nước, lòng đất; tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ; rà phá, xử lý, tiêu hủy bom mìn, vật liệu nổ; xử lý chất độc tồn lưu sau chiến tranh; nghiên cứu, thử nghiệm, chế tạo, sản xuất, bảo quản, bảo dưỡng, vận chuyển thuốc phóng, thuốc nổ, vũ khí, đạn dược, hóa chất độc, phóng xạ; xây dựng công trình ngầm quốc phòng, an ninh; xây dựng tuyến biên giới; lấp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị quân sự trên cao, cách sàn làm việc 30m trở lên; trinh sát đặc nhiệm, trinh sát ngoại tuyến; trinh sát biên phòng, cảnh sát biển; tuần tra, kiểm soát tuyến biên giới đất liền; làm nhiệm vụ mật.

b) Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo theo danh mục tại Phụ lục IV Nghị định này.

4. Trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh là trực tiếp thực thi nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Điều tra, phát hiện, ngăn chặn, bắt giữ đối tượng phạm tội hoặc ngăn chặn hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự;

b) Ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật nhưng đối tượng có hành vi chống đối và sau đó bị xử lý về hình sự;

c) Trực tiếp tiếp xúc với đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đối tượng đã có tiền án, tiền sự để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ nhằm tuyên truyền, giáo dục, vận động, thuyết phục, răn đe nhưng đối tượng có hành vi chống đối và sau đó bị xử lý về hình sự.

Điều 28. Trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận thương binh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý người bị thương có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị công nhận thương binh.

Điều 29. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương

Cơ quan, đơn vị quản lý cá nhân tại thời điểm bị thương có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị thương như sau:

1. Người khi bị thương là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân, viên chức quốc phòng và người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn tại cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt do thủ trưởng trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên; người bị thương là người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và

học viên cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ do thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ban trở lên.

2. Người khi bị thương là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, người lao động làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn hưởng lương từ ngân sách thuộc công an do thủ trưởng đơn vị trực thuộc bộ hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh.

3. Người khi bị thương thuộc cơ quan trung ương do Bộ trưởng hoặc cấp tương đương.

4. Người khi bị thương thuộc cơ quan cấp tỉnh quản lý hoặc người bị thương thuộc cơ quan cấp huyện quản lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Người khi bị thương thuộc cơ quan cấp xã và các trường hợp đóng trên địa bàn không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 30. Các giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận bị thương và thẩm quyền cấp

Người bị thương quy định tại khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có bản tóm tắt bệnh án điều trị vết thương của bệnh viện hoặc trung tâm y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) kèm một trong các giấy tờ sau:

1. Trường hợp bị thương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh phải có giấy xác nhận trường hợp bị thương do các cơ quan, đơn vị đã được quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này cấp.

2. Trường hợp bị thương quy định tại điểm đ, e, g và h khoản 1 Điều 23 của Pháp lệnh thì phải có các giấy tờ theo quy định tương ứng tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 29 Nghị định này.

3. Trường hợp bị thương trong kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ, chiến tranh biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam và làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Fulro quy định tại một trong các điểm a, b, c, d, đ Điều 23 Pháp lệnh thì thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 12 Chương II Nghị định này.

Điều 31. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thương binh, giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và quyết định trợ cấp, phụ cấp

1. Đối với người khi bị thương thuộc quân đội:

a) Tư lệnh hoặc Chính ủy quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh, giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần đối với đối tượng thuộc quyền quản lý và đối tượng đã chuyển ra ngoài quân đội thuộc địa bàn quản lý.

b) Cục trưởng Cục Chính sách - Xã hội ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh, giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần đối với đối tượng thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại.

2. Đối với người khi bị thương thuộc công an:

Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an cấp giấy chứng nhận thương binh, giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần đối với các trường hợp bị thương khi đang công tác trong Công an.

3. Đối với người khi bị thương không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì Sở Nội vụ cấp giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hoặc ban hành quyết định trợ cấp thương tật một lần.

Điều 32. Điều kiện khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể

1. Thương binh được khám giám định lại do vết thương tái phát nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Vết thương sọ não bị khuyết xương sọ hoặc lún sọ hoặc còn mảnh kim khí trong sọ gây biến chứng dẫn đến rối loạn tâm thần hoặc liệt.

b) Vết thương thâu phổi gây biến chứng dày dính màng phổi hoặc xẹp phổi dẫn đến phải cắt phổi hoặc thùy phổi.

c) Vết thương ở tim dẫn đến phải phẫu thuật.

d) Vết thương ổ bụng: Dạ dày hoặc ruột gây biến chứng ở dạ dày hoặc ruột hoặc dính tắc ruột phải phẫu thuật giải quyết biến chứng.

đ) Vết thương ở gan; mật, lách; tụy hoặc thận hoặc bàng quang phải phẫu thuật giải quyết biến chứng.

e) Vết thương ở cột sống gây biến chứng liệt hoặc rối loạn cơ tròn đại tiểu tiện không tự chủ.

g) Các vết thương ở tay hoặc ở chân tái phát phải phẫu thuật cắt đoạn chi.

h) Vết thương ở mắt tái phát dẫn đến mù mắt hoàn toàn; vết thương ở tai gây mất hoàn toàn sức nghe hai tai.

2. Người bị thương đã được khám giám định kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời thì sau 03 năm được giới thiệu giám định lại để kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể vĩnh viễn.

3. Người bị thương đã được khám giám định nhưng còn sót vết thương hoặc còn sót mảnh kim khí.

4. Người bị thương nhiều lần nhưng chưa được khám giám định đầy đủ từng lần bị thương hoặc chưa được tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể thì được khám giám định bổ sung và tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Điều 33. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

a) Căn cứ cấp giấy chứng nhận bị thương theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

b) Giấy chứng nhận bị thương

c) Biên bản giám định y khoa.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định cấp Giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 34. Thời điểm hưởng

1. Thương binh được hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng kể từ tháng Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật.

Các ưu đãi khác theo khoản 2 Điều 5 Pháp lệnh được hưởng từ tháng ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp nếu đủ điều kiện.

2. Thương binh giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể theo quy định tại Điều 32 Nghị định này được điều chỉnh chế độ ưu đãi kể từ tháng Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể sau khi giám định lại.

3. Người bị thương được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật từ 5% đến 20% thì hưởng trợ cấp thương tật một lần kể từ tháng cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định.

4. Đối với trường hợp thương binh đồng thời là bệnh binh hoặc người hưởng chế độ mất sức lao động thì hưởng thêm một chế độ trợ cấp hằng tháng kể từ tháng Sở Nội vụ hoặc cơ quan bảo hiểm xã hội ban hành quyết định trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Mục 7 BỆNH BINH

Điều 35. Điều kiện, tiêu chuẩn công nhận bệnh binh

1. Nhiệm vụ cấp bách, nguy hiểm quy định tại khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh là thực hiện các nhiệm vụ sau: chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu; thực hiện nhiệm vụ có tính chất nguy hiểm khi: đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ; chữa cháy; chống khủng bố, bạo loạn; giải thoát con tin; trực tiếp trấn áp, bắt giữ tội phạm; cứu hộ, cứu nạn; ứng cứu thảm họa thiên tai, dịch bệnh.

2. Bệnh binh đã được công nhận và đang hưởng chế độ ưu đãi trước ngày Pháp lệnh có hiệu lực thì tiếp tục hưởng chế độ ưu đãi theo quy định.

3. Bệnh binh được định kỳ giám định lại trước 01 tháng 01 năm 1995 và đủ điều kiện tiếp tục hưởng chế độ bệnh binh thì trợ cấp ưu đãi được xác định theo biên bản giám định bệnh tật lần đầu.

Điều 36. Căn cứ cấp giấy chứng nhận bị bệnh

1. Kế hoạch công tác hoặc quyết định, danh sách phân công làm nhiệm vụ hoặc Giấy xác nhận giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người bị bệnh.

2. Báo cáo xảy ra vụ việc của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người bị bệnh.

3. Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án trong ngày hoặc ngay sau ngày thực hiện nhiệm vụ thể hiện quá trình điều trị bệnh do có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ cấp bách, nguy hiểm của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an).

Trường hợp chưa điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì phải có phiếu khám sức khỏe định kỳ hoặc phiếu kiểm tra sức khỏe được xác nhận trong thời gian 01 năm sau khi thực hiện nhiệm vụ có ghi nhận tình trạng bệnh có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ cấp bách, nguy hiểm.

Điều 37. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bị bệnh

1. Người bị bệnh là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trong quân đội do Thủ trưởng Trung đoàn hoặc cấp tương đương trở lên.

2. Người bị bệnh là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong công an do thủ trưởng đơn vị trực thuộc bộ hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh.

Điều 38. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận bệnh binh và quyết định trợ cấp, phụ cấp

1. Người bị bệnh thuộc quân đội:

a) Tư lệnh hoặc Chính ủy quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người thuộc quyền quản lý.

b) Cục trưởng Cục Chính sách - Xã hội ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại.

2. Người bị bệnh thuộc công an do Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 39. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

a) Căn cứ cấp giấy chứng nhận bị bệnh theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.

b) Giấy chứng nhận bị bệnh.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định cấp Giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 40. Thời điểm hưởng

Bệnh binh được hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng kể từ tháng Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do bệnh tật.

Mục 8

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN BỊ NHIỄM CHẤT ĐỘC HÓA HỌC

Điều 41. Điều kiện, tiêu chuẩn công nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Người đã công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 1961 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại vùng mà quân đội Mỹ sử dụng chất độc hoá học được xác định như sau:

a) Cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng thuộc quân đội.

b) Cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên thuộc công an.

c) Cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

d) Thanh niên xung phong tập trung.

đ) Công an xã; dân quân; du kích; tự vệ; dân công; cán bộ thôn, ấp, xã, phường.

2. Địa danh thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị theo địa giới hành chính trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 quy định tại khoản 1 Điều 29 Pháp lệnh bao gồm các xã: Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy.

3. Danh mục bệnh, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại khoản 2 Điều 29 Pháp lệnh được quy định tại Phụ lục V Nghị định này và có phạm vi áp dụng như sau:

a) Các bệnh quy định từ khoản 1 đến khoản 15 Phụ lục V Nghị định này chỉ áp dụng đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học.

b) Các dị dạng, dị tật bẩm sinh quy định tại khoản 16 Phụ lục V Nghị định này và tật gai sống chẻ đôi quy định tại khoản 17 Phụ lục V Nghị định này chỉ áp dụng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học.

Điều 42. Căn cứ lập hồ sơ

1. Một trong các giấy tờ có ghi nhận thời gian tham gia kháng chiến tại vùng quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học sau:

a) Giấy X Y Z.

b) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: quyết định phục viên, xuất ngũ; giấy chuyển thương, chuyển viện, giấy điều trị; lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; lý lịch công an nhân dân; hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội; Huân chương, Huy chương chiến sĩ giải phóng; hồ sơ khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến; hồ sơ người có công được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.

c) Bản chính hoặc bản sao được chứng thực từ giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2000.

Trường hợp sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương mà chưa có xác nhận thì cơ quan đang quản lý cam kết và chịu trách nhiệm về thời điểm lập sổ và giá trị pháp lý của thông tin, dữ liệu được ghi trong sổ.

Trường hợp các giấy tờ quy định tại các điểm b, điểm c khoản 1 Điều này chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị.

2. Một trong các giấy tờ ghi nhận mắc bệnh hoặc dị dạng, dị tật như sau:

a) Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) theo mẫu quy định của Bộ Y tế trừ trường hợp mắc bệnh có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại khoản 15 Mục I Phụ lục V Nghị định này.

Trường hợp mắc bệnh có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại khoản 10 Mục I Phụ lục V Nghị định này phải kèm theo giấy tờ do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành được xác lập từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước ghi nhận mắc bệnh thuộc nhóm bệnh thần kinh ngoại biên trong thời gian từ một đến năm tuần sau phơi nhiễm đối với trường hợp mắc bệnh thần kinh ngoại biên cấp tính hoặc bán cấp tính.

b) Giấy xác nhận dị dạng, dị tật bẩm sinh của các cơ sở y tế cấp xã trở lên đối với con đẻ chưa khám bệnh, chữa bệnh về các dị dạng, dị tật.

c) Bản tóm tắt hồ sơ bệnh án của lần điều trị cuối cùng ghi nhận quá trình điều trị về bệnh rối loạn tâm thần liên tiếp trong 03 năm trở lên của của Bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế khu vực (bao gồm cả bệnh viện quân đội, công an) với các bệnh rối loạn tâm thần có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo quy định tại khoản 15 Phụ lục V Nghị định này.

d) Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 43. Nguyên tắc (Quy định) giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

1. Trường hợp đang hưởng trợ cấp thương binh nếu đủ điều kiện thì được hưởng thêm trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

2. Trường hợp đang hưởng đồng thời trợ cấp thương binh và trợ cấp bệnh binh nếu đủ điều kiện thì được hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh.

3. Trường hợp đang hưởng trợ cấp hằng tháng tương ứng với mức có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 mà hồ sơ không có biên bản giám định y khoa hoặc biên bản giám định y khoa không đúng quy định thì không hưởng chế độ trợ cấp người phục vụ, phụ cấp đặc biệt; các chế độ ưu đãi khác hưởng như người có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81 % trở lên.

Điều 44. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

a) Bản khai.

b) Giấy tờ là căn cứ lập hồ sơ.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Biên bản giám định y khoa.

c) Quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

Điều 45. Thời điểm hưởng

1. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được hưởng trợ cấp, phụ cấp hằng tháng kể từ tháng Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền ban hành biên bản giám định y khoa.

2. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi và người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có vợ hoặc có chồng nhưng không có con được hưởng trợ cấp hằng tháng kể từ tháng Sở Nội vụ ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

Mục 9

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN, BẢO VỆ TỔ QUỐC, LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ BỊ ĐỊCH BẮT TÙ, ĐÀY

Điều 46. Căn cứ lập hồ sơ

1. Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đày như sau:

a) Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước: lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; các giấy tờ, tài liệu khác.

b) Bản sao được chứng thực từ hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội.

c) Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

d) Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.

2. Địa điểm bị tù, đày để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày được quy định tại Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù do Bộ Nội vụ ban hành.

Trường hợp bị tù, đày ở nước ngoài thì thực hiện theo xác nhận của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Điều 47. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi, tặng, truy tặng kỷ niệm chương người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

a) Bản khai

b) Giấy tờ là căn cứ lập hồ sơ quy định tại Điều 46 Nghị định này.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi.

3. Hồ sơ tặng, truy tặng Kỷ niệm chương người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Danh sách đề nghị tặng, truy tặng Kỷ niệm chương người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.

Điều 48. Thời điểm hưởng

1. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đầy được hưởng trợ cấp hằng tháng kể từ tháng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

2. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đầy đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

Mục 10

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÁNG CHIẾN GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NGHĨA VỤ QUỐC TẾ

Điều 49. Căn cứ giải quyết chế độ

Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau:

1. Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng hoặc giấy chứng nhận đeo huân chương, huy chương.

2. Huân chương Chiến công do làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Cam-pu-chia.

3. Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Kháng chiến, Huy chương Chiến thắng.

4. Quyết định tặng thưởng Huân chương Chiến công do làm nhiệm vụ ở biên giới, hải đảo, làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào, Cam-pu-chia.

5. Giấy xác nhận về khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và thời gian hoạt động kháng chiến thực tế của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh trở lên.

Điều 50. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

a) Bản khai.

b) Giấy tờ là căn cứ lập hồ sơ quy định tại Điều 49 Nghị định này.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định trợ cấp ưu đãi.

Điều 51. Thời điểm hưởng

1. Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm Sở Nội vụ ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

2. Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đã chết mà chưa được hưởng chế độ thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm Sở Nội vụ ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

Mục 11

NGƯỜI CÓ CÔNG GIÚP ĐỠ CÁCH MẠNG

Điều 52. Căn cứ giải quyết chế độ

Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công”, Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; Huân chương Kháng chiến; Huy chương Kháng chiến; Quyết định tặng thưởng Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến.

Đối với trường hợp được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hoặc Huy chương Kháng chiến thì kèm theo giấy xác nhận của cơ quan Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh trở lên về thành tích giúp đỡ cách mạng

Điều 53. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

1. Hồ sơ đề nghị công nhận
 - a) Bản khai.
 - b) Giấy tờ là căn cứ lập hồ sơ quy định tại Điều 52 Nghị định này.
2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi
 - a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.
 - b) Quyết định trợ cấp ưu đãi.

Điều 54. Thời điểm hưởng

1. Người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 Pháp lệnh được hưởng trợ cấp hằng tháng kể từ tháng Sở Nội vụ ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.
2. Người có công quy định tại khoản 3 Điều 38 Pháp lệnh được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm Sở Nội vụ ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.
3. Người có công giúp đỡ cách mạng đã chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì đại diện thân nhân được hưởng trợ cấp một lần theo mức quy định tại thời điểm Sở Nội vụ ban hành quyết định trợ cấp ưu đãi.

Mục 12

CÔNG NHẬN LIỆT SĨ, THƯƠNG BINH ĐỐI VỚI NGƯỜI HY SINH, BỊ THƯƠNG TRONG CHIẾN TRANH

Điều 55. Đối tượng

1. Người tham gia cách mạng hy sinh, bị thương, mất tích thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh và các điểm a,

b, c, d, đ khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Fulro, tham gia chiến tranh biên giới phía Bắc, chiến tranh biên giới Tây Nam đến nay chưa được công nhận là liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh. Thời gian cụ thể của các cuộc chiến tranh được quy định tại Phụ lục III Nghị định này.

2. Không áp dụng xem xét công nhận đối với những trường hợp sau:

a) Chết từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện công nhận liệt sĩ hoặc đã báo tử theo chế độ tử sĩ hoặc quân nhân chết, tai nạn lao động.

b) Bị thương từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện công nhận thương binh hoặc đã giải quyết chế độ tai nạn lao động.

Đối với trường hợp hy sinh, bị thương có cơ sở, căn cứ xác nhận đủ điều kiện theo quy định thì thực hiện việc xem xét công nhận đối với từng hồ sơ cụ thể.

Điều 56. Căn cứ lập hồ sơ công nhận liệt sĩ

Một trong các căn cứ sau:

1. Các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước có liên quan đến trường hợp hy sinh:

a) Giấy báo tử trận; danh sách liệt sĩ, sổ quản lý liệt sĩ lưu tại cơ quan, đơn vị, địa phương có ghi tên người hy sinh. Trường hợp danh sách, sổ quản lý liệt sĩ không có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị, địa phương tại thời điểm lập, ghi sổ thì cơ quan, đơn vị, địa phương đang quản lý, lưu trữ có trách nhiệm tập hợp, chốt số lượng người từng trang; ghi tổng số trang, tổng số người tại trang cuối cùng và ký, đóng dấu (đối với cơ quan, đơn vị quân đội đang quản lý, lưu trữ thì chuyển đến sư đoàn hoặc cấp tương đương trở lên để thực hiện chốt sổ).

b) Các giấy tờ, tài liệu khác có ghi nhận là liệt sĩ hoặc hy sinh trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh.

2. Người hy sinh trong những trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh đã được chính quyền và nhân dân đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ, được gắn bia mộ liệt sĩ từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

3. Được ghi nhận là liệt sĩ tại một trong các giấy tờ sau: Huân chương; Huy chương; Giấy chứng nhận đeo Huân chương; Giấy chứng nhận đeo Huy chương; Bảng vàng danh dự; Bảng gia đình vẽ vàng; lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên của người trong gia đình được xác lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước; nếu được ghi danh trong nhà bia ghi tên liệt sĩ thì phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản lý nhà bia và căn cứ để khắc tên liệt sĩ.

4. Được ghi nhận là liệt sĩ hoặc ghi nhận trường hợp hy sinh thuộc một trong các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh tại một trong các giấy tờ, tài liệu sau:

a) Lịch sử Đảng bộ cấp xã trở lên được cơ quan Đảng có thẩm quyền thẩm định và đã xuất bản;

b) Tư liệu lịch sử được lưu trữ tại bảo tàng hoặc cơ quan lưu trữ của Đảng và Nhà nước;

5. Trường hợp mất tích theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh thì căn cứ phiếu xác minh của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Công an cấp tỉnh.

Điều 57. Căn cứ lập hồ sơ công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh

1. Căn cứ chứng minh người bị thương có ghi nhận quá trình tham gia cách mạng cụ thể như sau:

a) Người tham gia cách mạng sau đó tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước phải có bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: lý lịch cán bộ; lý lịch đảng viên; lý lịch quân nhân; quyết định phục viên, xuất ngũ, thôi việc; hồ sơ bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền ban hành lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước.

b) Người tham gia cách mạng sau đó không tiếp tục tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước mà không có giấy tờ quy định tại điểm a thì phải có bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến hoặc một trong các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với người tham gia kháng chiến chống Pháp; chống Mỹ; tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào.

2. Căn cứ chứng minh bị thương trong những trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh:

a) Có bản sao được chứng thực từ một trong những giấy tờ liên quan đến trường hợp bị thương như sau: danh sách quân nhân bị thương do cơ quan, đơn vị quản lý có ghi tên người bị thương hoặc các giấy tờ, tài liệu của cơ quan, đơn vị lập từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước có ghi nhận người bị thương trong những trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh.

Trường hợp danh sách quân nhân bị thương không có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị tại thời điểm lập thì cơ quan, đơn vị, địa phương đang quản lý, lưu trữ có trách nhiệm tập hợp, chốt số lượng người từng trang; ghi tổng số trang, tổng số người tại trang cuối cùng và ký, đóng dấu (đối với cơ quan, đơn vị quân đội đang quản lý, lưu trữ thì chuyển đến sư đoàn hoặc cấp tương đương trở lên để thực hiện chốt sổ).

b) Trường hợp không còn một trong các giấy tờ quy định tại điểm a khoản này thì căn cứ vết thương còn mảnh kim khí trong cơ thể.

Điều 58. Hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi đối với người hy sinh, bị thương trong chiến tranh

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

a) Bản khai.

b) Giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh, bị thương theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Giấy chứng nhận hy sinh, bị thương.

c) Biên bản giám định y khoa, Quyết định cấp Giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

d) Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ, Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (nếu có), Quyết định cấp Giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (nếu có) và các chế độ trợ cấp theo quy định đối với thân nhân liệt sĩ.

Mục 13

CÔNG NHẬN LIỆT SĨ TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Điều 59. Đối tượng và nguyên tắc

1. Người hy sinh, mất tích trong chiến tranh không đủ căn cứ để xem xét công nhận liệt sĩ theo quy định tại Mục 12 Nghị định này, nhưng do tính chất, hoàn cảnh hoạt động, sự kiện lịch sử hoặc các yếu tố đặc biệt khác cần được xem xét công nhận liệt sĩ thì được xem xét theo quy định tại Mục này.

2. Việc xem xét công nhận liệt sĩ theo quy định tại Mục này phải bảo đảm khách quan, chặt chẽ, thận trọng; phù hợp với thực tiễn, bối cảnh lịch sử và đặc điểm hoạt động của cơ quan, đơn vị, tổ chức, lực lượng có liên quan; không làm thay đổi điều kiện, tiêu chuẩn công nhận liệt sĩ quy định tại Pháp lệnh.

3. Thông tin, tài liệu, tư liệu và các nguồn thông tin có liên quan được kiểm tra, xác minh, đánh giá tổng hợp trong mối liên hệ với thực tiễn, bối cảnh lịch sử để làm cơ sở xem xét, công nhận liệt sĩ theo quy định tại Mục này.

Điều 60. Xem xét, đề nghị công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin về trường hợp quy định tại Điều 46 Nghị định này cung cấp thông tin, tài liệu, tư liệu có liên quan cho cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

2. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu, tư liệu có liên quan; căn cứ thực tiễn, bối cảnh lịch sử và kết quả kiểm tra, xác minh để xem xét việc đề nghị công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt.

Việc xem xét, đề nghị phải được thực hiện từ cơ sở, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan và có sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Tại mỗi cấp xem xét, trước khi chuyển hồ sơ đến cấp có thẩm quyền tiếp theo, cơ quan nhà nước có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến cấp ủy đảng cùng cấp về chủ trương đề nghị công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt.

Trường hợp cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền thống nhất chủ trương thì cơ quan nhà nước hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xác minh và đề nghị của cấp mình để trình cấp có thẩm quyền tiếp theo xem xét.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, sau khi có ý kiến thống nhất của cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền, chịu trách nhiệm về việc đề nghị Chính phủ xem xét công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt.

5. Trường hợp có liên quan đến nhiều bộ, cơ quan trung ương, địa phương hoặc không xác định được cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì thì các cơ quan có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao một bộ, cơ quan trung ương hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì tổ chức kiểm tra, xác minh và lập hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt.

Điều 61. Xem xét, quyết định công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt

1. Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan đối với hồ sơ đề nghị công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt trước khi trình Chính phủ.

Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình; trường hợp cần thiết, phối hợp kiểm tra, xác minh, làm rõ các nội dung có liên quan.

2. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, ý kiến của cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền, ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan và các thông tin, tài liệu, tư liệu có trong hồ sơ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin ý kiến Đảng ủy Chính phủ và trình Chính phủ xem xét, quyết định công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt.

3. Căn cứ ý kiến của Đảng ủy Chính phủ, Chính phủ xem xét, quyết định công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Pháp lệnh.

4. Trên cơ sở quyết định công nhận liệt sĩ của Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”.

5. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục xem xét công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt quy định tại Mục này; Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn việc kiểm tra, xác minh đối với trường hợp thuộc phạm vi quản lý.

Điều 62. Hồ sơ công nhận liệt sĩ trong trường hợp đặc biệt

1. Hồ sơ đề nghị công nhận

- a) Bản khai.
- b) Giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh (nếu có).

2. Hồ sơ thực hiện chế độ ưu đãi

- a) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.
- b) Văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền.
- c) Quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” của Thủ tướng Chính phủ.
- d) Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ (nếu có).
- đ) Quyết định cấp Giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (nếu có) và các chế độ trợ cấp theo quy định.

Chương III **THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG, THÂN NHÂN** **NGƯỜI CÓ CÔNG**

Mục 1 **ĐIỀU DƯỠNG PHỤC HỒI SỨC KHỎE**

Điều 63. Chế độ, hình thức điều dưỡng phục hồi sức khỏe

1. Điều dưỡng tập trung

a) Điều dưỡng tập trung được thực hiện tại cơ sở điều dưỡng công lập đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn thực hiện điều dưỡng người có công với cách mạng theo quy định của Bộ Nội vụ;

b) Thời gian mỗi đợt điều dưỡng từ 05 đến 10 ngày, không bao gồm thời gian đi đường;

c) Việc lựa chọn hình thức điều dưỡng tập trung và cơ sở thực hiện điều dưỡng phải căn cứ vào nhu cầu của đối tượng điều dưỡng. Vào tháng 12 hằng năm, Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo danh sách ít nhất 3 cơ sở điều dưỡng, trong đó ít nhất có 2 cơ sở thuộc địa bàn tỉnh, thành phố khác để lấy ý kiến khảo sát của đối tượng, làm cơ sở xây dựng kế hoạch điều dưỡng năm sau.

2. Điều dưỡng tại nhà

Điều dưỡng tại nhà được áp dụng đối với trường hợp không có nguyện vọng hoặc không đảm bảo sức khỏe để thực hiện điều dưỡng tập trung.

Điều 64. Nguyên tắc và tổ chức thực hiện

1. Trường hợp người có công đồng thời là thân nhân liệt sĩ thì chỉ hưởng mức cao nhất của một đối tượng.

2. Điều dưỡng tại nhà: thực hiện chi trực tiếp cho đối tượng được hưởng.

3. Điều dưỡng tập trung thực hiện như sau:

a) Sở Nội vụ có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch điều dưỡng tập trung và tổ chức thực hiện điều dưỡng tập trung theo quy định.

b) Bộ Nội vụ hướng dẫn chi tiết quy trình tổ chức thực hiện điều dưỡng tập trung.

Mục 2

CẤP PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP, DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Điều 65. Cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng

1. Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng theo chỉ định của bệnh viện chuyên khoa phục hồi chức năng hoặc bệnh viện cấp cơ bản trở lên có chuyên khoa phục hồi chức năng, cụ thể như sau:

a) Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i, k khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh, khoản 1 Điều 38 Pháp lệnh, thân nhân liệt sĩ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 16 Pháp lệnh đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng được cấp xe lăn hoặc xe lắc hoặc phương tiện thay thế bằng mức tiền cấp mua xe lăn hoặc xe lắc.

b) Các đối tượng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh được cấp phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình căn cứ vào tình trạng thương tật, bệnh tật ghi trong hồ sơ thương binh, bệnh binh, cụ thể như sau:

Tay giả; Máng nhựa tay;

Chân giả; Máng nhựa chân; Một đôi giày hoặc một đôi dép chỉnh hình; Nẹp đùi, nẹp cẳng chân; Nạng; Xe lăn hoặc xe lắc hoặc phương tiện thay thế bằng mức tiền cấp mua xe lăn hoặc xe lắc. Trường hợp cấp xe lăn hoặc xe lắc đồng thời cấp chân giả thì thời hạn sử dụng của mỗi phương tiện là 06 năm;

Áo chỉnh hình;

Máy trợ thính;

Mắt giả (tiền lắp mắt giả thanh toán theo chứng từ của bệnh viện cấp tỉnh trở lên); kính râm, gậy dò đường;

Răng giả theo số răng bị mất ghi tại hồ sơ thương binh;

Hàm giả đối với thương binh hỏng hàm do thương tật ghi tại hồ sơ thương binh;

Các đồ dùng phục vụ sinh hoạt đối với thương binh, bệnh binh bị liệt nửa người hoặc liệt hoàn toàn hoặc bị tâm thần thể kích động hoặc thương binh, bệnh binh vừa bị thể tâm thần kích động đồng thời bị liệt nửa người hoặc liệt hoàn toàn.

c) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 31 Pháp lệnh được cấp: xe lăn; kính râm, gậy dò đường.

2. Việc cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng (bao gồm cả tiền mua vật phẩm phụ, bảo trì phương tiện) cho cả niên hạn sử dụng được thực hiện cùng một lần.

Trường hợp người có tên trong danh sách các trường hợp được cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đã được Sở Nội vụ phê duyệt nhưng chưa thực hiện mà chết thì vẫn chi trả tiền cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với thân nhân.

3. Hỗ trợ tiền đi lại, tiền ăn khi đi làm phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.

Mục 3

HỖ TRỢ ĐỂ THEO HỌC ĐẾN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Điều 66. Đối tượng hưởng và chế độ hỗ trợ

1. Người học thuộc diện hưởng chế độ ưu đãi được quy định như sau:

a) Con người có công đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên (đối với người học đang theo học Chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông), phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông nội trú, trường dự bị đại học, trường năng khiếu, trường lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật (sau đây gọi là cơ sở giáo dục phổ thông).

b) Người có công và con của họ đang theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khóa học từ 01 năm trở lên hoặc cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học).

2. Chế độ hỗ trợ

a) Hỗ trợ học phí theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp, Luật Giáo dục đại học.

b) Trợ cấp mỗi năm học một lần.

c) Trợ cấp hằng tháng.

Điều 67. Nguyên tắc

1. Người học thuộc nhiều diện được hưởng chế độ ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, đại học thì chỉ hưởng một chế độ ưu đãi mức cao nhất.

2. Người học cùng một lúc học ở nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học hoặc nhiều khoa, nhiều ngành thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi mức cao nhất tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học.

3. Thời gian hưởng chế độ ưu đãi là thời gian của khung đào tạo theo quy định tại quy chế đào tạo trình độ đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục phổ thông, kể cả thời gian ngừng học do ốm đau, tai nạn mà chưa có quyết định thôi học.

4. Chế độ ưu đãi chỉ được thực hiện đối với người học đã được tiếp nhận hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi trong thời gian theo học của cấp học, trình độ đào tạo.

5. Không áp dụng chế độ ưu đãi đối với người học đã hưởng chế độ ưu đãi đủ thời gian theo quy định tại khoản 3 Điều này tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học có cùng trình độ đào tạo hoặc trình độ đào tạo thấp hơn.

6. Thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng được cấp đủ 12 tháng cho một năm học.

7. Trường hợp người có công đồng thời là thân nhân liệt sĩ thì chỉ hưởng chế độ cao nhất của một đối tượng.

Điều 68. Thực hiện chi trả

1. Ủy ban nhân dân nhân cấp xã có trách nhiệm:

Hàng năm, căn cứ vào quyết định giải quyết chế độ ưu đãi của Sở Nội vụ và xác nhận của nhà trường nơi người có công hoặc thân nhân đang theo học để lập và phê duyệt danh sách người hưởng chế độ ưu đãi. Tổ chức chi trả chế độ ưu đãi theo phương thức trực tiếp hoặc qua tài khoản cá nhân theo yêu cầu của người học.

2. Thời gian chi trả:

a) Trợ cấp ưu đãi hằng năm thực hiện chi trả vào đầu năm học hoặc đầu khóa học, cụ thể: chi trả vào tháng 10, tháng 11 đối với người học quy định tại điểm a khoản 2 Điều 98 Nghị định này; chi trả vào tháng 11, tháng 12 đối với người học quy định tại điểm b khoản 2 Điều 98 Nghị định này.

b) Trợ cấp ưu đãi hằng tháng thực hiện chi trả 02 lần trong năm, cụ thể: lần 1 chi trả vào tháng 10, tháng 11 đối với người học quy định tại điểm a khoản 2 Điều 98 Nghị định này hoặc tháng 11, tháng 12 đối với người học quy định tại điểm b khoản 2 Điều 98 Nghị định này; lần 2 chi trả vào tháng 3, tháng 4.

c) Trường hợp người học chưa hưởng chế độ ưu đãi theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

3. Trường hợp người học bị kỷ luật buộc thôi học hoặc tự ý bỏ học thì cơ sở giáo dục phổ thông hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học nơi đang học trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định buộc thôi học, có trách nhiệm gửi thông báo đến cơ quan thực hiện chi trả để dừng thực hiện chế độ ưu đãi.

Khi người học được nhập học lại thì cơ sở giáo dục phổ thông hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học nơi đang học trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định nhập học lại, có trách nhiệm gửi thông báo đến cơ quan thực hiện chi trả để tiếp tục thực hiện chế độ ưu đãi.

4. Trường hợp người học không được thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5 Điều 54 và khoản 1, khoản 2 Điều 55 Pháp lệnh thì Phòng Văn hóa - Xã hội thông báo đến cơ sở giáo dục phổ thông hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học nơi người học đang học.

Mục 4

HỖ TRỢ CẢI THIẾN NHÀ Ở

Điều 69. Hình thức và nguyên tắc hỗ trợ

1. Hình thức hỗ trợ nhà ở

a) Tặng nhà: Nhà nước và xã hội tặng nhà tình nghĩa đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

b) Hỗ trợ khi thuê nhà ở xã hội, nhà ở cũ thuộc tài sản công theo quy định tại Điều 70 Nghị định này.

c) Hỗ trợ khi mua nhà ở cũ thuộc tài sản công (không bao gồm tiền sử dụng đất) theo quy định của pháp luật về nhà ở.

d) Hỗ trợ giải quyết bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở

đ) Hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi của Nhà nước để mua, thuê mua nhà ở xã hội hoặc tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

e) Hỗ trợ kinh phí để cải tạo, sửa chữa hoặc xây dựng mới đối với nhà ở tạm hoặc nhà ở bị hư hỏng nặng theo quy định tại Điều 71 Nghị định này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

Việc hỗ trợ cải thiện nhà ở theo các nguyên tắc sau:

a) Căn cứ vào công lao, hoàn cảnh của từng người hoặc khi có khó khăn về nhà ở và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

b) Kết hợp, lồng ghép với các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương, địa phương và khuyến khích cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, tránh thất thoát, phân bổ công bằng và hợp lý các nguồn lực hỗ trợ.

d) Phù hợp với quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

Điều 70. Hỗ trợ khi thuê nhà ở xã hội, nhà ở cũ thuộc tài sản công

1. Điều kiện, nguyên tắc hỗ trợ miễn, giảm tiền thuê nhà ở được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở.

2. Đối tượng được miễn tiền thuê nhà ở

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh,

bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng.

b) Các đối tượng thuộc diện được giảm tiền thuê nhà ở quy định tại khoản 3 Điều này hiện đang sống cô đơn, không nơi nương tựa (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà ở thuê).

3. Đối tượng và mức giảm tiền thuê nhà ở

a) Giảm 90% tiền thuê nhà ở đối với các đối tượng: Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%.

b) Giảm 80% tiền thuê nhà ở đối với các đối tượng: Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến 60%.

c) Giảm 70% tiền thuê nhà ở đối với các đối tượng:

Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 40%.

Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.

Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945, người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương kháng chiến.

Thân nhân liệt sĩ.

d) Giảm 65% tiền thuê nhà ở đối với các đối tượng sau:

Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huy chương kháng chiến.

Điều 71. Hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với nhà ở tạm hoặc nhà ở bị hư hỏng nặng

1. Điều kiện hỗ trợ

Nhà ở mà người có công hoặc thân nhân liệt sĩ đang ở và đăng ký thường trú là nhà tạm hoặc nhà ở bị hư hỏng nặng với các mức độ như sau:

a) Nhà ở phải phá dỡ để xây mới nhà ở.

b) Nhà ở phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở.

2. Mức hỗ trợ để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Yêu cầu về chất lượng nhà ở

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng nghiên cứu, thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà ở điển hình, kèm theo dự toán kinh phí đầu tư xây dựng, dự trữ vật liệu chủ yếu, phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương để phổ biến, giới thiệu cho các hộ gia đình tham khảo, nghiên cứu áp dụng xây dựng nhà ở phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng hộ.

b) Đối với trường hợp nhà ở phải phá dỡ để xây dựng lại thì sau khi được hỗ trợ, nhà ở mới được xây dựng phải đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30 m²; trường hợp hộ độc thân thì diện tích xây dựng nhà ở nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 24 m². Nhà ở xây dựng mới phải đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), độ bền tối thiểu 20 năm.

c) Đối với trường hợp nhà ở phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở thì sau khi sửa chữa phải bảo đảm tiêu chuẩn “2 cứng” (khung - tường cứng, mái cứng), có tuổi thọ từ 10 năm trở lên, nhưng không yêu cầu phải đúng tiêu chuẩn về diện tích sử dụng quy định tại điểm b khoản này.

4. Nguồn vốn thực hiện

a) Ngân sách nhà nước, gồm: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

b) Vốn huy động từ cộng đồng, dòng họ và đóng góp của hộ gia đình được hỗ trợ.

5. Phương thức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và phê duyệt danh sách số hộ thuộc diện được hỗ trợ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc hỗ trợ.

b) Việc cấp vốn

Căn cứ số vốn được phân bổ từ ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công.

c) Sau khi nhận được tạm ứng kinh phí hỗ trợ nhà ở theo quy định, các hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở. Trường hợp hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, khuyết tật...) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức xây dựng nhà ở cho các hộ gia đình này.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, vận động việc thực hiện xây dựng nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích, chất lượng nhà ở theo quy định của Nghị định này. Khi hoàn thành xây dựng phần nền móng và khung - tường nhà ở thì phải lập Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo Mẫu số 04 Phụ lục IX Nghị định này; khi hoàn thiện toàn bộ nhà ở thì phải lập Biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng theo Mẫu số 05 Phụ lục IX Nghị định này.

6. Chi phí quản lý và tổ chức thực hiện

a) Các tỉnh, thành phố sử dụng ngân sách địa phương để bố trí kinh phí quản lý triển khai thực hiện chính sách với mức tối đa không quá 0,5% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện chính sách theo quy định.

b) Bộ Xây dựng có trách nhiệm trình Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ và quy trình hỗ trợ nhà ở; dự toán kinh phí hằng năm để ngân sách trung ương cấp bổ sung vào kinh phí hoạt động thường xuyên của Bộ Xây dựng để thực hiện công tác tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng kết thực hiện việc hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với nhà ở tạm hoặc nhà ở bị hư hỏng nặng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Mục 5

MIỄN HOẶC GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 72. Chế độ miễn tiền sử dụng đất

1. Miễn tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau:

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

b) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.

c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

d) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên.

đ) Thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng.

2. Miễn tiền sử dụng đất khi mua nhà ở (loại nhà nhiều tầng nhiều hộ ở) đang thuê thuộc sở hữu của Nhà nước theo Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Điều 73. Chế độ giảm tiền sử dụng đất

Giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau:

1. Giảm 90% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau: Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%.

2. Giảm 80% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau: Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41% đến 60%.

3. Giảm 70% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với các đối tượng sau:

a) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 21% đến 40%.

b) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.

c) Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945, người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương kháng chiến.

d) Thân nhân liệt sĩ.

4. Giảm 65% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở, khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước đối với:

a) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

b) Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huy chương kháng chiến.

Điều 74. Nguyên tắc

1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất quy định tại Điều 72 và Điều 73 Nghị định này được thực hiện quy định tại Điều 6 Pháp lệnh và theo nguyên tắc quy định tại pháp luật về tiền sử dụng đất.

2. Chế độ miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất đối với người có công chỉ áp dụng một lần cho một cá nhân và mức hỗ trợ tiền sử dụng đất được tính theo diện tích đất thực tế được giao nhưng tối đa không vượt quá hạn mức đất ở cho cá nhân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

3. Trường hợp một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được ưu đãi thì mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 100%.

4. Trường hợp người có công đồng thời là thân nhân liệt sĩ thì chỉ hưởng chế độ cao nhất của một đối tượng.

Mục 6

ƯU TIÊN GIAO ĐẤT HOẶC CHO THUÊ ĐẤT, MẶT NƯỚC, KHU VỰC BIỂN; GIAO KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG; VAY VỐN ƯU ĐÃI ĐỂ SẢN XUẤT KINH DOANH; MIỄN HOẶC GIẢM THUẾ

Điều 75. Các nội dung ưu đãi

1. Ưu tiên giao đất hoặc cho thuê đất, mặt nước, khu vực biển, giao khoán bảo vệ và phát triển rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, biển, hải đảo, tài nguyên, bảo vệ và phát triển rừng.

2. Vay vốn ưu đãi để sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng, ngân hàng.

3. Miễn hoặc giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế.

Điều 76. Chính sách ưu đãi trong hoạt động khuyến nông

1. Người có công, thân nhân người có công được ưu tiên khi tham gia hoạt động khuyến nông đáp ứng các tiêu chí của dự án nhiệm vụ khuyến nông theo pháp luật chuyên ngành được hưởng các chính sách sau:

a) Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông.

b) Được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, đi lại, tiền ăn, nơi ở khi tham dự các sự kiện khuyến nông.

c) Được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu khi tham gia xây dựng mô hình trình diễn khuyến nông (áp dụng đối với tất cả các loại mô hình khuyến nông).

2. Đơn vị chủ trì dự án, nhiệm vụ có trách nhiệm tạo điều kiện để người có công, thân nhân người có công được tham gia dự án, nhiệm vụ khuyến nông và được hưởng các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này.

Điều 77. Nguyên tắc

1. Trường hợp người có công đồng thời là thân nhân liệt sĩ thì chỉ hưởng chế độ cao nhất của một đối tượng.

2. Trường hợp cá nhân, hộ gia đình đề nghị nhận khoán bảo vệ rừng lớn hơn nhu cầu khoán, thì bên khoán ưu tiên khoán cho người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; cá nhân, hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, người kinh nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Mục 7

NUÔI DƯỠNG TẬP TRUNG

Điều 78. Đối tượng áp dụng

Người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng sống cô đơn và thân nhân liệt sĩ sống cô đơn.

Điều 79. Nguyên tắc

1. Việc tiếp nhận căn cứ vào cơ sở vật chất, tổ chức biên chế của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

2. Đối tượng được nuôi dưỡng tập trung thì không hưởng chế độ trợ cấp người phục vụ.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn quy trình, thủ tục và thẩm quyền tiếp nhận đối tượng nuôi dưỡng tập trung.

Chương IV

MỘT SỐ NỘI DUNG KHÁC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG

Mục 1

TẠM ĐÌNH CHỈ, CHẤM DỨT VÀ PHỤC HỒI CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Điều 80. Thẩm quyền, thời điểm tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi

1. Đối với những trường hợp quy định tại Điều 54 Pháp lệnh, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được bản án hoặc kết quả xác minh, kết luận của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi có trách nhiệm ban hành quyết định tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi; thời điểm tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi như sau:

a) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 54 Pháp lệnh, thời điểm tạm đình chỉ hưởng chế độ ưu đãi kể từ ngày bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

b) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 Pháp lệnh, thời điểm tạm đình chỉ chế độ ưu đãi kể từ tháng cơ quan có thẩm quyền kết luận.

c) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 54 Pháp lệnh, thời điểm chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi kể từ tháng cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi ban hành quyết định chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi.

d) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 54 Pháp lệnh, thời điểm tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi của thân nhân người có công thực hiện theo quyết định tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công.

2. Đối với những trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 55 Pháp lệnh, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện có dấu hiệu khai man, giả mạo thì cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi ban hành quyết định tạm dừng chế độ ưu đãi và có văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị xác lập hồ sơ người có công xác minh, kết luận.

Trường hợp sau khi xác minh, kết luận đối tượng khai man, giả mạo hồ sơ thì cơ quan cơ quan, đơn vị xác lập hồ sơ người có công có trách nhiệm thu hồi giấy tờ đã cấp và chuyển các cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo pháp luật hiện hành; có văn bản thông báo kèm các giấy tờ làm căn cứ để cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi ban hành quyết định chấm dứt chế độ kể từ tháng có kết luận xác minh, thu hồi chế độ đã hưởng sai.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định này thì cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi ban hành quyết định chấm dứt chế độ ưu đãi kể từ tháng có kết luận xác minh.

Điều 81. Căn cứ, thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi

1. Đối với những trường hợp quy định tại Điều 54 Pháp lệnh:

a) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 54 Pháp lệnh căn cứ các giấy tờ chứng minh đã chấp hành xong hình phạt tù, thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng liền kề sau tháng chấp hành xong hình phạt tù.

b) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 Pháp lệnh, thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng liền kề sau tháng nhận được đơn:

Trường hợp người có công hoặc thân nhân xuất cảnh trái phép nay trở về nước thường trú thì phải có giấy tờ nhập cảnh.

Trường hợp người có công hoặc thân nhân mất tích nay trở về nếu cần thiết thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp hoặc cho cá nhân xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

c) Đối với trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 54 Pháp lệnh thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi của thân nhân người có công thực hiện theo quyết định hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công.

2. Đối với những trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 55 Pháp lệnh:

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 55 Pháp lệnh sau khi xác minh kết luận không giả mạo giấy tờ thì cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi ban hành quyết định hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng bị tạm đình chỉ.

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 55 Pháp lệnh, cơ quan quản lý hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi căn cứ kết quả xác minh, kết luận để ban hành quyết định hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng bị tạm đình chỉ và thu hồi chế độ ưu đãi hưởng thêm do khai báo gian dối.

3. Đối với trường hợp thương binh đã được quân đội công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước nhưng hiện nay chưa được hưởng chế độ do thất lạc hồ sơ

a) Căn cứ lập hồ sơ

Bản sao từ một trong các quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành; trường hợp không còn một trong các quyết định trên thì phải có giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý trước khi phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành hoặc của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh về thời gian công tác trong quân đội.

Một trong các giấy tờ sau: sổ trợ cấp thương tật quy định tại Điều lệ ưu đãi quân nhân ban hành theo Nghị định số 161/CP ngày 30 tháng 10 năm 1964 của Hội đồng Chính phủ; sổ thương binh ban hành theo quy định tại Thông tư liên Bộ số 254/TT-LB ngày 10 tháng 11 năm 1967 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; bản trích lục hồ sơ thương binh (theo sổ hoặc danh sách hiện đang quản lý) của cơ quan chính trị đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc của Cục Chính sách - Xã hội, Tổng cục Chính trị.

b) Thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng nhận được đơn đề nghị.

c) Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình hưởng lại chế độ ưu đãi và di chuyển hồ sơ thương binh đến Sở Nội vụ nơi thương binh thường trú để thực hiện chế độ.

4. Đối với trường hợp thương binh đã được quân đội công nhận nhưng chưa được hưởng chế độ ưu đãi do gửi sổ đi B

a) Căn cứ lập hồ sơ

Bản sao từ một trong các quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, hưu trí; trường hợp không còn một trong các quyết định trên thì phải có giấy xác nhận của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh về thời gian công tác trong quân đội.

Một trong các giấy tờ sau: sổ trợ cấp thương tật quy định tại Điều lệ ưu đãi quân nhân ban hành theo Nghị định số 161/CP ngày 30 tháng 10 năm 1964 của Hội đồng Chính phủ; sổ thương binh ban hành theo quy định tại Thông tư liên Bộ số 254/TT-LB ngày 10 tháng 11 năm 1967 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; bản trích lục hồ sơ thương binh (theo sổ hoặc danh sách hiện đang quản lý) của cơ quan chính trị đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc của Cục Chính sách - Xã hội, Tổng cục Chính trị.

Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận ghi nhận thời gian đi B. Trường hợp giấy tờ chỉ thể hiện phiên hiệu, ký hiệu đơn vị thì kèm theo giấy xác nhận thông tin giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị.

Trường hợp có tên trong danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương thì Bộ chỉ huy quân sự tỉnh căn cứ danh sách, sổ quản lý quân nhân, sổ chi trả trợ cấp quân nhân đi B đang lưu tại cơ quan chức năng của địa phương để cấp giấy xác nhận.

b) Thời điểm hưởng lại chế độ ưu đãi kể từ tháng liền kề, sau tháng gửi Sổ để đi B.

c) Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình hưởng lại chế độ ưu đãi, thực hiện truy trả trợ cấp và di chuyển hồ sơ thương binh đến Sở Nội vụ nơi thương binh thường trú để thực hiện chế độ.

Điều 82. Các trường hợp không thực hiện chế độ ưu đãi đối với thân nhân và cá nhân có liên quan

1. Đào ngũ, phản bội, chiêu hồi.
2. Tham gia các hoạt động chống phá chế độ, Đảng, Nhà nước.
3. Đang chấp hành án tù giam.
4. Đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc phạm tội khác bị phạt tù chung thân, tử hình.

Mục 2

TRỢ CẤP KHI NGƯỜI CÓ CÔNG CHẾT

Điều 83. Điều kiện, nguyên tắc và thẩm quyền giải quyết trợ cấp khi người có công chết

1. Trợ cấp mai táng thực hiện theo mức quy định tại thời điểm người có công hoặc người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng là thân nhân liệt sĩ, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học chết.

2. Trợ cấp một lần với mức bằng 03 tháng trợ cấp hằng tháng, phụ cấp hằng tháng (không gồm trợ cấp người phục vụ) đối với đại diện thân nhân khi người có công hoặc người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng là thân nhân liệt sĩ, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học chết.

3. Trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng được thực hiện đối với thân nhân của người có công còn sống.

4. Trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng đối với con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng nếu dưới 18 tuổi mà mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc sau khi đủ 18 tuổi mà sống cô đơn.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giải quyết trợ cấp khi người có công, thân nhân của người có công chết.

6. Trường hợp người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi trong quân đội, công an chết thì Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn quy trình giải quyết chế độ trợ cấp một lần trong thời gian 20 ngày kể từ ngày người có công chết; ban hành quyết định chấm dứt chế độ ưu đãi đối với người có công; ban hành quyết định trợ cấp một lần; di chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi thân nhân người có công thường trú để thực hiện thủ tục hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng (nếu có).

Điều 84. Thời điểm hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng

1. Đối với thân nhân người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 chết:

a) Vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi, con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng liền kề khi người hoạt động cách mạng chết.

b) Con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng được cấp giấy xác nhận khuyết tật.

c) Trường hợp người hoạt động cách mạng đã chết nhưng sau đó mới được công nhận thì thân nhân đủ điều kiện được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ thời điểm ra quyết định công nhận.

Đối với thân nhân là con của người hoạt động cách mạng từ đủ 18 tuổi trở lên thì thời điểm hưởng theo quy định tại điểm b khoản này.

2. Đối với thân nhân liệt sĩ:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hưởng trợ cấp tuất hàng tháng kể từ tháng liệt sĩ được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”.

Người có công nuôi liệt sĩ được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng kể từ tháng Sở Nội vụ ban hành quyết định.

b) Con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng được cấp giấy xác nhận khuyết tật.

c) Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác quy định tại khoản 10 Điều 16 Pháp lệnh được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng Sở Nội vụ ban hành quyết định.

d) Trường hợp bổ sung thêm thân nhân liệt sĩ và được cấp giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ thì thân nhân được bổ sung hưởng trợ cấp tuất hằng tháng (nếu có) kể từ tháng Sở Nội vụ ban hành quyết định.

3. Đối với thân nhân thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đủ tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ luật Lao động, con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng liền kề khi thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học chết.

b) Con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng được cấp giấy xác nhận khuyết tật.

c) Trường hợp khi thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên chết mà cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng chưa đủ tuổi theo quy định tại điểm a khoản này thì được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng khi đủ tuổi.

4. Trường hợp thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đã hưởng trợ cấp hằng tháng theo mức bị mắc bệnh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% chết trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng như sau:

a) Đến ngày 01 tháng 7 năm 2021 mà cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng đã đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, 55 tuổi trở lên đối với nữ thì được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ ngày 01 tháng 07 năm 2021; trường hợp chưa đủ tuổi thì được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng khi đủ 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ;

b) Con chưa đủ 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng liền kề khi người có công chết;

Con từ đủ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng được

hưởng trợ cấp tuất hằng tháng từ tháng được cấp giấy xác nhận khuyết tật.

5. Thời điểm hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng thực hiện kể từ tháng đủ điều kiện.

Mục 3

QUẢN LÝ HỒ SƠ, DỮ LIỆU, THÔNG TIN NGƯỜI CÓ CÔNG

Điều 85. Nguyên tắc xác lập hồ sơ và thời hạn giải quyết

1. Nguyên tắc xác lập hồ sơ ban đầu và quản lý hồ sơ người có công.

a) Hồ sơ đề nghị công nhận người có công phải là bản giấy. Các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị công nhận là bản chính hoặc bản sao theo quy định tại Nghị định này.

b) Hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ ưu đãi được xác lập theo các hình thức quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 309/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2026 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm phục vụ hành chính công và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì giấy tờ trong hồ sơ cần bảo đảm đầy đủ thành phần, định dạng và quy trình nghiệp vụ điện tử theo quy định.

c) Bản sao hồ sơ người có công đã được sử dụng làm căn cứ giải quyết trợ cấp tuất đối với thân nhân trước ngày 15 tháng 02 năm 2022 thì tiếp tục có giá trị thực hiện.

d) Hồ sơ gốc bản giấy gồm toàn bộ giấy tờ, tài liệu do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền lập, xác nhận lần đầu khi thực hiện thủ tục công nhận, giải quyết chế độ ưu đãi người có công và được quản lý, lưu trữ theo quy định của pháp luật. Trường hợp hồ sơ gốc bản giấy bị hư hỏng, thất lạc thì sử dụng bản trích lục hồ sơ.

Hồ sơ gốc bản điện tử là tập hợp thông tin, dữ liệu được số hóa từ hồ sơ giấy hoặc tạo lập trực tiếp trên cơ sở dữ liệu người có công và được quản lý, lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ người có công được bảo quản có thời hạn vĩnh viễn tại cơ quan có thẩm quyền.

2. Thủ tục hành chính và thời hạn giải quyết:

a) Thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện theo một trong các hình thức sau: nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công; thông qua dịch vụ bưu chính; thực hiện trực tuyến tại cổng Dịch vụ công khi cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn quy trình nghiệp vụ điện tử.

b) Hồ sơ của mỗi thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định này là một 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết là thời gian quy định tại mỗi thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện xem xét, giải quyết, cơ quan có thẩm quyền thụ lý hồ sơ có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

d) Người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì người có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

Điều 86. Ký hiệu hồ sơ, ký hiệu Bằng “Tổ quốc ghi công”

1. Ký hiệu hồ sơ ghi ở góc trên bên phải, viết bằng chữ in hoa. Ký hiệu địa phương hoặc cơ quan, đơn vị ghi trước, gạch chéo rồi ghi tiếp ký hiệu từng loại hồ sơ đối tượng, tiếp đến số quản lý của địa phương hoặc cơ quan đơn vị và ký hiệu thời kỳ theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định này. Trường hợp hồ sơ do công an cấp tỉnh xác lập thì thêm ký hiệu “CA” và dấu gạch ngang vào trước ký hiệu địa phương.

2. Ký hiệu ghi trên Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với liệt sĩ được truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực gồm các thông tin sau: Ký hiệu địa phương hoặc cơ quan, đơn vị ghi trước, gạch chéo rồi ghi tiếp năm công nhận liệt sĩ (ghi bằng số), gạch chéo rồi đánh số thứ tự bắt đầu từ 01 kèm theo mã thời kỳ, trước năm 1945 viết tắt là “l”, chống Pháp viết tắt là “p”, chống Mỹ viết tắt là “m”, các thời kỳ khác viết tắt là “t” và thương binh chết do vết thương tái phát viết tắt là “tb”.

Điều 87. Nội dung quản lý hồ sơ, dữ liệu, thông tin người có công

1. Bộ Nội vụ có trách nhiệm.

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hồ sơ, dữ liệu, thông tin người có công.

b) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo mật cơ sở dữ liệu người có công.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra công tác quản lý, lưu trữ, số hóa hồ sơ, dữ liệu, thông tin người có công; thực hiện lưu trữ dự phòng tại Bộ Nội vụ.

d) Thực hiện cung cấp thông tin theo đề nghị của cơ quan, đơn vị đối với trường hợp hồ sơ liệt sĩ được công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước không đầy đủ theo quy định (do thất lạc).

2. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có trách nhiệm.

a) Quản lý, lưu trữ và cập nhật hồ sơ, dữ liệu, thông tin người có công đang tại ngũ, công tác; thực hiện chia sẻ dữ liệu, thông tin thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật về chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

b) Chỉ đạo việc cấp bản trích lục hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước không đầy đủ theo quy định (do thất lạc).

c) Tổng hợp và báo cáo định kỳ hằng năm về số lượng người có công đang quản lý từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm gửi Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm.

a) Quản lý, lưu trữ, số hóa hồ sơ, dữ liệu, thông tin người có công tại địa phương.

b) Lập và cấp mới, cấp lại bản trích lục hồ sơ người có công thuộc thẩm quyền quản lý.

Trường hợp hồ sơ người có công thuộc thẩm quyền quản lý bị thất lạc thì Sở Nội vụ có văn bản gửi đến các cơ quan, đơn vị đề cung cấp thông tin và căn cứ vào các giấy tờ hợp pháp của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để lập và cấp bản trích lục hồ sơ.

c) Cập nhật thông tin về người có công và thân nhân người có công đang quản lý vào các cơ sở dữ liệu người có công.

Điều 88. Trích lục hồ sơ người có công, sao hồ sơ người có công

1. Phạm vi áp dụng:

a) Cấp trích lục hồ sơ người có công hoặc sao một số giấy tờ trong hồ sơ người có công theo đề nghị của người có công, đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ để giải quyết chế độ có liên quan đến nội dung đề nghị.

Trường hợp thân nhân đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng thay đổi nơi thường trú, nhưng tại nơi đi vẫn còn thân nhân khác đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng thì Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ cấp bản trích lục hồ sơ người có công kèm theo quyết định hưởng trợ cấp tuất hằng tháng của người đề nghị di chuyển đến Sở Nội vụ nơi thường trú mới.

b) Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công theo đề nghị của cơ quan, tổ chức để giải quyết vụ việc có liên quan đối với hồ sơ thương binh, liệt sĩ được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1994 nhưng không đầy đủ theo quy định (do thất lạc):

Đối với hồ sơ thương binh: Sở Nội vụ có văn bản đề nghị trích lục hồ sơ gửi Cục Chính sách - Xã hội, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam hoặc Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an.

Đối với hồ sơ liệt sĩ: Sở Nội vụ có văn bản đề nghị cung cấp thông tin gửi Cục Người có công, Bộ Nội vụ.

2. Nguyên tắc: việc sao hồ sơ người có công đang quản lý phải đảm bảo đúng quy định về sao, sao y, sao lục, trích sao.

Điều 89. Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công

1. Trường hợp áp dụng:

a) Người có công đề nghị sửa đổi những thông tin sau: họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; quê quán của người có công hoặc thân nhân của họ ghi trong hồ sơ người có công để phù hợp với giấy tờ về hộ tịch.

b) Thân nhân liệt sĩ, thân nhân người có công, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, người hưởng chế độ đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đề nghị sửa đổi những thông tin sau: họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; mối quan hệ ghi trong hồ sơ người có công để phù hợp với giấy tờ về hộ tịch.

c) Thân nhân liệt sĩ hoặc người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ (gồm cả người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ nhưng chưa có Quyết định hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ) đề nghị sửa đổi những thông tin sau của liệt sĩ: họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm hy sinh; quê quán (theo địa danh khi xác lập hồ sơ công nhận liệt sĩ); cấp bậc, chức vụ; cơ quan, đơn vị khi hy sinh; trường hợp hy sinh; nơi hy sinh.

2. Nguyên tắc, thẩm quyền:

a) Cơ quan, đơn vị ban hành quyết định công nhận người có công thì cơ quan, đơn vị đó có thẩm quyền sửa đổi thông tin.

Trường hợp đề nghị sửa đổi thông tin trong hồ sơ liệt sĩ thì Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ liệt sĩ sửa đổi bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

b) Cơ quan, đơn vị đang quản lý hồ sơ người có công có thẩm quyền sửa đổi thông tin trong quyết định hưởng trợ cấp ưu đãi trong trường hợp không xác định được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền sửa đổi hoặc xác định được nhưng không còn lưu trữ giấy tờ.

c) Căn cứ để thực hiện sửa đổi thông tin là giấy tờ hợp pháp về nhân thân, hộ tịch hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật có chứa thông tin liên quan đến nội dung đề nghị sửa đổi.

d) Sửa đổi thông tin không làm thay đổi bản chất, nội dung về công nhận người có công và thân nhân người có công; bảo đảm chính xác, minh bạch và lưu vết đầy đủ trong hồ sơ, dữ liệu, thông tin về người có công và thân nhân người có công.

Điều 90. Di chuyển hồ sơ người có công

1. Người hưởng chế độ ưu đãi người có công thay đổi nơi thường trú thì Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ hoặc cơ quan, đơn vị quản lý hồ sơ thực hiện di chuyển hồ sơ về nơi thường trú mới.

2. Di chuyển hồ sơ người có công từ quân đội, công an đến địa phương nơi người hưởng chế độ ưu đãi người có công thường trú

a) Cơ quan quản lý hồ sơ có thẩm quyền theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập phiếu báo di chuyển, có trách nhiệm gửi bảo đảm hồ sơ gốc kèm phiếu báo di chuyển qua đường bưu chính đến Sở Nội vụ nơi người có công thường trú. Mọi vướng mắc về chế độ hoặc hồ sơ phải được giải quyết trước khi di chuyển.

Trường hợp hồ sơ thương binh được công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước do quân đội, công an quản lý mà không đủ theo quy định (do thất lạc) thì hồ sơ gồm: Phiếu báo di chuyển hồ sơ kèm 02 bản trích lục hồ sơ thương binh (theo sổ hoặc danh sách hiện đang quản lý) do thủ trưởng Cục Chính sách - Xã hội, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng trong quân đội) hoặc thủ trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an (đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong công an) ký tên và đóng dấu thay cho hồ sơ thương binh.

b) Sở Nội vụ nơi tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm: Thông báo đến cơ quan, đơn vị di chuyển hồ sơ; kiểm tra hồ sơ tiếp nhận, nếu hồ sơ đúng quy định thì đăng ký quản lý đối tượng và thực hiện tiếp các chế độ ưu đãi, cập nhật vào cơ sở dữ liệu người có công.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì chuyển trả lại hồ sơ kèm văn bản nêu rõ lý do chưa tiếp nhận, yêu cầu nơi chuyển hồ sơ giải quyết.

3. Mọi vướng mắc về chế độ và hồ sơ phải được giải quyết trước khi di chuyển. Thời điểm tiếp tục hưởng chế độ trợ cấp theo phiếu báo di chuyển hồ sơ.

Mục 4

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Điều 91. Nguyên tắc, giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng

1. Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về người có công với cách mạng được xây dựng, phát triển để thực hiện nhiệm vụ quản lý về người có công, thân nhân người có công, quản lý hồ sơ, mộ liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ và thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, duy trì dữ liệu phải bảo đảm nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và

được tạo lập, liên thông thống nhất trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Dữ liệu chủ, dữ liệu trong các cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được chia sẻ, khai thác dữ liệu này để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công thì không được yêu cầu người có công, thân nhân người có công cung cấp thông tin, giấy tờ tương đương bằng văn bản giấy, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Thống nhất giải pháp trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc thông qua ứng dụng định danh quốc gia VNeID.

Điều 92. Cơ sở dữ liệu người có công

1. Cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng là cơ sở dữ liệu chuyên ngành, là thành phần cốt lõi của Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, bao gồm các cơ sở dữ liệu thành phần sau:

a) Cơ sở dữ liệu người hưởng chính sách ưu đãi người có công: Quản lý, cập nhật hồ sơ công nhận người có công, thân nhân người có công; thông tin về trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi khác.

b) Cơ sở dữ liệu về liệt sĩ, mộ liệt sĩ và nghĩa trang liệt sĩ: Quản lý, cập nhật thông tin về liệt sĩ, mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ.

c) Cơ sở dữ liệu ADN của liệt sĩ và thân nhân: Quản lý, cập nhật thông tin về liệt sĩ, kết quả so sánh, đối khớp của liệt sĩ và thân nhân liệt sĩ và thông tin xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

2. Yêu cầu xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng được xây dựng và quản lý theo mô hình thống nhất tập trung, bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, phù hợp với quy định về phân cấp, ủy quyền trong quản lý, thực hiện chính sách ưu đãi người có công;

b) Cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng được xây dựng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, định mức kinh tế - kỹ thuật, tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung, hoạt động ổn định, liên tục;

c) Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, thuận lợi cho việc thu thập, cập nhật, điều chỉnh, khai thác, sử dụng;

d) Bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử;

đ) Bảo đảm thu thập, cập nhật, điều chỉnh, lưu vết đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, dữ liệu lĩnh vực người có công theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

Điều 93. Trách nhiệm quản lý, tạo lập, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng

1. Bộ Nội vụ là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng, có trách nhiệm chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống; thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm quản lý, thu thập và cập nhật thông tin, dữ liệu về người có công, thân nhân người có công đang tại ngũ, công tác thuộc phạm vi quản lý; xây dựng cơ sở dữ liệu do bộ quản lý bảo đảm kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu thập, số hóa hồ sơ người có công đang lưu trữ; thường xuyên cập nhật biến động thông tin người có công, thân nhân người có công, thông tin về mộ liệt sĩ và công trình ghi công liệt sĩ thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, toàn vẹn của dữ liệu cung cấp.

Điều 94. Nguồn dữ liệu tạo lập, thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng

Cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng được tạo lập, thu thập, cập nhật từ các nguồn sau:

1. Dữ liệu là kết quả thực hiện các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý người có công của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bao gồm cả dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và ứng dụng VNeID).

2. Dữ liệu từ số liệu thống kê, khảo sát, cập nhật biến động từ các tỉnh, thành phố và các bộ, cơ quan liên quan.

3. Dữ liệu từ hoạt động số hóa hồ sơ, giấy tờ lịch sử được quản lý, thu thập, cập nhật bởi cơ quan quản lý hồ sơ người có công.

4. Dữ liệu được đồng bộ, chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia (như dân cư, bảo hiểm, hộ tịch điện tử), cơ sở dữ liệu gốc, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

Điều 95. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng

1. Chủ thể khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng gồm:

a) Các cơ quan Đảng, Nhà nước quản lý và thực hiện chính sách ưu đãi người có công khai thác, sử dụng dữ liệu để phục vụ công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công;

b) Người có công, thân nhân người có công được quyền khai thác dữ liệu, thông tin của mình để thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khai thác dữ liệu mở hoặc khai thác thông tin theo quy định của pháp luật về dữ liệu, khai thác qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

2. Phương thức khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về người có công với cách mạng:

a) Các cơ quan nhà nước khai thác thông qua mạng máy tính, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tiếp hoặc thông qua Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia;

b) Người có công, thân nhân người có công khai thác thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh và ứng dụng định danh quốc gia VNeID;

c) Việc khai thác, sử dụng thông tin phải tuân thủ nghiêm quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Cơ quan, tổ chức khai thác dữ liệu không được yêu cầu cá nhân cung cấp lại giấy tờ vật lý nếu dữ liệu đó đã có sẵn trong cơ sở dữ liệu.

Mục 5

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG, BỘ PHẬN QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ

Điều 96. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công

1. Cơ sở nuôi dưỡng người có công có chức năng, nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công và thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

2. Cơ sở điều dưỡng người có công có chức năng, nhiệm vụ điều dưỡng, phục hồi sức khỏe đối với người có công và thân nhân liệt sĩ; các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc của cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 97. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc tại bộ phận quản lý công trình ghi công liệt sĩ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc tại bộ phận quản lý công trình ghi công liệt sĩ.

Chương V

TÌM KIẾM, QUY TẬP HÀI CỐT LIỆT SĨ VÀ XÁC ĐỊNH DANH TÍNH HÀI CỐT LIỆT SĨ CÒN THIẾU THÔNG TIN, QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ, MỘ LIỆT SĨ

Mục 1

TÌM KIẾM, QUY TẬP HÀI CỐT LIỆT SĨ VÀ XÁC ĐỊNH DANH TÍNH HÀI CỐT LIỆT SĨ CÒN THIẾU THÔNG TIN

Điều 98. Nguyên tắc

1. Bộ Nội vụ thống nhất quản lý, chỉ đạo công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý, chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

2. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp, tham gia cung cấp thông tin có liên quan đến liệt sĩ, mộ liệt sĩ để phục vụ công tác tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin .

3. Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin (hài cốt liệt sĩ chưa có thông tin, hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin, hài cốt liệt sĩ thông tin chưa chính xác):

a) Bằng phương pháp thực chứng đối với: hài cốt liệt sĩ khi quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ; mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ còn thiếu thông tin hoặc thông tin chưa chính xác.

b) Bằng phương pháp giám định ADN đối với: hài cốt liệt sĩ khi quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ; mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ chưa có thông tin; mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ còn thiếu thông tin hoặc thông tin chưa chính xác mà không đủ căn cứ để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng.

Điều 99. Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ

1. Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ được thành lập ở cấp tỉnh, cấp quân khu và cấp quốc gia; chỉ đạo, hoạt động thống nhất từ trung ương đến địa phương.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo quốc gia.

3. Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Văn phòng Ban Chỉ đạo quốc gia về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ để giúp việc cho Ban Chỉ đạo quốc gia; chỉ đạo các quân khu thành lập Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ cấp quân khu.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ cấp tỉnh; quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo thuộc quyền.

5. Cục Chính trị các quân khu là cơ quan thường trực giúp việc của Ban Chỉ đạo cấp quân khu; Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh là cơ quan thường trực giúp việc của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

Điều 100. Nội dung công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin

1. Tuyên truyền, tập huấn về công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

2. Giải mã ký hiệu, phiên hiệu đơn vị quân đội trong chiến tranh; cung cấp, tiếp nhận, xử lý thông tin; thu thập, rà soát, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, danh sách liệt sĩ; tích hợp, xây dựng cơ sở dữ liệu người có công.

3. Lập bản đồ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

4. Tổ chức lực lượng tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

5. Tổ chức các hoạt động tìm kiếm, quy tập; lấy mẫu hài cốt liệt sĩ và mẫu sinh phẩm thân nhân liệt sĩ.

6. Thực hiện các hoạt động bảo đảm cho công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

7. Bàn giao hài cốt liệt sĩ; tổ chức an táng và lập hồ sơ quản lý mộ liệt sĩ.

8. Thu thập, xác minh, kết luận thông tin mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng.

9. Thực hiện xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng giám định ADN.

10. Chuẩn y kết quả xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; thông báo kết quả xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; khắc bia ghi tên trên mộ liệt sĩ; báo tin phần mộ liệt sĩ đủ thông tin tới thân nhân liệt sĩ.

11. Quan hệ, hợp tác quốc tế trong công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

12. Kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

Điều 101. Quản lý, chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin

1. Bộ Nội vụ

a) Chỉ đạo, hướng dẫn quản lý nhà nước về công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; hoàn trả hiện trạng nghĩa trang liệt sĩ; hoàn trả mẫu hài cốt liệt sĩ sau giám định; tiếp nhận kết quả giám định ADN mẫu hài cốt liệt sĩ và mẫu thân nhân liệt sĩ; quyết định việc xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; cập nhật vào cơ sở dữ liệu người có công;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu người có công.

2. Bộ Quốc phòng:

a) Chủ trì chỉ đạo, thực hiện công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ;

b) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác xác minh, kết luận thông tin để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin trong các nghĩa trang liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng;

c) Chủ trì chỉ đạo, thực hiện công tác lưu trữ lâu dài mẫu hài cốt liệt sĩ và bàn giao mẫu hài cốt liệt sĩ cho đơn vị giám định để thực hiện giám định ADN.

d) Chỉ đạo đơn vị giám định thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện giám định ADN mẫu hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin và cập nhật vào cơ sở dữ liệu; phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nội vụ để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

3. Bộ Công an

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện thu nhận, bảo quản mẫu thân nhân của liệt sĩ chưa xác định được danh tính;

b) Chỉ đạo thực hiện giám định ADN mẫu thân nhân của liệt sĩ chưa xác định được danh tính và mẫu hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện so sánh, đối chiếu kết quả giám định ADN hài cốt liệt sĩ và thân nhân của liệt sĩ và lưu trữ kết quả giám định ADN hài cốt liệt sĩ, thân nhân của liệt sĩ phục vụ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; thông báo kết quả đối khớp xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin và cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

4. Các bộ, cơ quan trung ương phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

5. Các quân khu có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo công tác tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ trên địa bàn quân khu và ở ngoài nước theo địa bàn được giao; chỉ đạo, phối hợp thực hiện công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước về công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin trên địa bàn.

Điều 102. Tổ chức lực lượng tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin

1. Lực lượng tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, gồm: lực lượng chuyên trách, lực lượng lâm thời trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ ở trong nước và ngoài nước. Trường hợp cần thiết trưng dụng thêm lực lượng khác tham gia (dẫn đường, bảo vệ, đào bới, khai quật,...).

2. Bộ Quốc phòng quyết định thành lập lực lượng chuyên trách, lực lượng lâm thời; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ cấp tỉnh, Chỉ huy đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng được giao nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ quyết định trưng dụng lực lượng khi cần thiết.

Điều 103. Bàn giao hài cốt liệt sĩ, mẫu hài cốt liệt sĩ

1. Hài cốt liệt sĩ đã xác định được thông tin thì đơn vị quy tập có trách nhiệm bàn giao hài cốt liệt sĩ và lập biên bản bàn giao kèm theo thông tin quy tập, thông tin có liên quan đến liệt sĩ và thân nhân (nếu có) về Sở Nội vụ của địa phương mà đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ có nguyện vọng đưa về.

Trường hợp đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ chưa có nguyện vọng đưa về thì bàn giao hài cốt liệt sĩ về Sở Nội vụ nơi quy tập hoặc nơi được giao đón nhận.

2. Hài cốt liệt sĩ chưa xác định được thông tin thì đơn vị quy tập bàn giao hài cốt liệt sĩ và lập biên bản bàn giao kèm theo thông tin quy tập, thông tin có liên quan đến liệt sĩ và thân nhân (nếu có) cho Sở Nội vụ nơi quy tập hoặc nơi được giao đón nhận.

Trường hợp có di vật mà chưa có cơ sở khẳng định thông tin của liệt sĩ thì đơn vị quy tập có trách nhiệm báo cáo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng để xác minh, kết luận về thông tin của liệt sĩ.

3. Mẫu hài cốt liệt sĩ được đơn vị lưu trữ hoặc đơn vị lấy mẫu bàn giao bằng biên bản đến đơn vị giám định ADN.

Đơn vị giám định bàn giao mẫu hài cốt liệt sĩ sau khi giám định ADN (nếu còn) đến Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ để thực hiện hoàn trả mẫu hài cốt liệt sĩ đã giám định ADN vào mộ liệt sĩ.

Điều 104. Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp giám định ADN

1. Lấy mẫu hài cốt liệt sĩ thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hài cốt liệt sĩ được quy tập mà chưa xác định được danh tính;

b) Mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ còn thiếu thông tin hoặc thông tin chưa chính xác mà không đủ căn cứ để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng;

d) Mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ có từ hai gia đình liệt sĩ trở lên cùng nhận.

2. Lấy mẫu thân nhân để đối chứng ADN (sau đây gọi chung là mẫu đối chứng thân nhân liệt sĩ) trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Không thực hiện việc lấy mẫu hài cốt liệt sĩ và mẫu thân nhân trong các trường hợp sau:

a) Mộ liệt sĩ tập thể.

b) Mộ liệt sĩ đã được Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ ban hành quyết định đính chính thông tin trên bia mộ.

c) Mộ liệt sĩ đã được Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ ban hành quyết định xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.

d) Mộ liệt sĩ đã được lấy mẫu để giám định ADN, trừ trường hợp mẫu không phân tích được ADN thì được lấy mẫu lần hai.

4. Mẫu hài cốt liệt sĩ lấy theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo quốc gia được Bộ Quốc phòng lưu trữ lâu dài và bàn giao đến đơn vị giám định thuộc hoặc trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hoặc các đơn vị giám định khác theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch lấy mẫu và triển khai thực hiện nhiệm vụ giám định ADN mẫu hài cốt liệt sĩ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và các pháp luật có liên quan.

6. Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ có trách nhiệm ban hành quyết định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

Điều 105. Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng

1. Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Khi tìm kiếm, quy tập theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền, phát hiện hài cốt liệt sĩ có một phần thông tin.

b) Đối với mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ còn thiếu thông tin;

c) Đối với mộ trong nghĩa trang liệt sĩ cần xác minh để xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

2. Kết luận xác định danh tính hài cốt liệt sĩ phải dựa trên cơ sở kết quả tổng hợp, phân tích, kết nối, đối chiếu và kiểm chứng các thông tin, tài liệu có liên quan và loại trừ các khả năng khác có liên quan.

Trường hợp chưa đủ căn cứ kết luận thì tiếp tục xác minh, bổ sung thông tin hoặc thực hiện xác định danh tính bằng phương pháp giám định ADN theo quy định.

3. Bộ Chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng theo từng nghĩa trang.

4. Sở Nội vụ nơi quản lý mộ liệt sĩ có trách nhiệm ban hành quyết định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

Điều 106. Hồ sơ thực hiện xác định danh tính hài cốt liệt sĩ

1. Hồ sơ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng

a) Đơn đề nghị hoặc Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Giấy tờ, tài liệu cung cấp thông tin về liệt sĩ;

c) Quyết định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

2. Hồ sơ xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp giám định ADN

- a) Đơn đề nghị hoặc Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Giấy tờ, tài liệu cung cấp thông tin về liệt sĩ;
- c) Thông báo kết luận của đơn vị giám định ADN.
- d) Quyết định xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

Mục 2

TRUY ĐIỀU, AN TÁNG HÀI CỐT LIỆT SĨ, QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ, MỘ LIỆT SĨ

Điều 107. Trách nhiệm, nghi lễ thực hiện truy điệu, an táng hài cốt liệt sĩ

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng tổ chức lễ truy điệu và an táng hài cốt liệt sĩ do các đơn vị tìm kiếm, quy tập được.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đón nhận và an táng hài cốt liệt sĩ được di chuyển đến theo nguyện vọng của thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

3. Nghi thức thực hiện

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này: Nghi thức theo quy định tại Phụ lục số X Nghị định này.

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quy định tại Phụ lục số X Nghị định này và khả năng của địa phương phối hợp với gia đình thực hiện bảo đảm trang nghiêm phù hợp với phong tục tập quán địa phương

Điều 108. Nguyên tắc xác định công trình ghi công liệt sĩ

1. Nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng trang nghiêm thể hiện lòng tôn kính đối với các liệt sĩ, phù hợp với quy hoạch của từng địa phương.

2. Đài tưởng niệm liệt sĩ được xây dựng ở trung tâm chính trị, văn hóa của tỉnh, thành phố hoặc nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

3. Đền thờ liệt sĩ là nơi thờ và ghi danh các liệt sĩ được xây dựng ở nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

4. Nhà bia ghi tên liệt sĩ được xây dựng tại các xã, phường, đặc khu.

5. Không xây mới mộ không có hài cốt trong nghĩa trang liệt sĩ, trừ trường hợp xây mộ để đón nhận hài cốt liệt sĩ được quy tập về.

6. Công trình ghi công liệt sĩ sau khi thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính thực hiện như sau:

a) Trên cùng một địa bàn có nhiều công trình ghi công liệt sĩ cùng loại hình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định việc quy hoạch, bảo tồn, sửa chữa,

cải tạo, nâng cấp, mở rộng đảm bảo lưu giữ danh sách liệt sĩ đã ghi danh để làm nơi tưởng niệm và giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh tên gọi các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

Điều 109. Quản lý, chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ

1. Công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ được thường xuyên chăm sóc, quản lý, sửa chữa, tu bổ.

2. Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin là mộ có nội dung thông tin ghi trên bia mộ trùng khớp với thông tin trong bản trích lục hồ sơ liệt sĩ, giấy báo tử, giấy báo tử trệt, giấy chứng nhận hy sinh.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn.

4. Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

Điều 110. Nội dung quản lý mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Lập sơ đồ nghĩa trang và vị trí mộ, quản lý hồ sơ mộ liệt sĩ (bao gồm thông tin mộ, vị trí mộ, biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ và các giấy tờ có liên quan đến phần mộ), lập danh sách quản lý mộ trong nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ để lưu và gửi Sở Nội vụ.

b) Cập nhật thông tin trong danh sách quản lý mộ và báo cáo Sở Nội vụ đối với trường hợp hài cốt liệt sĩ di chuyển hoặc mới tiếp nhận.

c) Tổng hợp danh sách quản lý mộ trong nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm:

a) Tổng hợp danh sách quản lý mộ trong nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ do gia đình quản lý trên địa bàn.

b) Quản lý, cập nhật sơ đồ nghĩa trang và vị trí mộ, hồ sơ mộ liệt sĩ khi có sự thay đổi về mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ.

c) Cập nhật đầy đủ thông tin mộ liệt sĩ, công trình ghi công liệt sĩ vào cơ sở dữ liệu người có công theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức cho các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân chăm sóc các nghĩa trang liệt sĩ.

đ) Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thấp nền tri ân tại các nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn vào hồi 20 giờ ngày 26 tháng 7.

Mục 3

THĂM VIẾNG MỘ LIỆT SĨ, DI CHUYỂN HÀI CỐT LIỆT SĨ

Điều 111. Đối tượng hỗ trợ

1. Thăm viếng mộ liệt sĩ

a) Thân nhân liệt sĩ theo quy định của Pháp lệnh hoặc anh ruột, chị ruột, em ruột của liệt sĩ.

b) Người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

2. Di chuyển hài cốt liệt sĩ

a) Thân nhân liệt sĩ hoặc người được thân nhân liệt sĩ ủy quyền.

b) Người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc người được người hưởng trợ cấp thờ cúng ủy quyền.

Điều 112. Nguyên tắc

1. Hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ:

a) Tiền đi lại và tiền ăn theo khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi có mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ mỗi năm một lần đối với 01 mộ liệt sĩ.

b) Hỗ trợ tối đa không quá 03 người đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 111 Nghị định này.

c) Trường hợp liệt sĩ chưa xác định được mộ trong nghĩa trang liệt sĩ nhưng có thông tin địa danh cấp tỉnh, cấp xã nơi hy sinh hoặc có tên trong danh sách quản lý tại nghĩa trang liệt sĩ thì đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 111 Nghị định này được thực hiện hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ theo quy định tại khoản này.

2. Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng trong nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác.

a) Tiền đi lại và tiền ăn theo khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi có mộ liệt sĩ.

b) Hỗ trợ một lần tiền cát bốc mộ hài cốt liệt sĩ.

c) Hỗ trợ tối đa không quá 03 người.

d) Hỗ trợ một lần tiền xây mộ liệt sĩ đối với trường hợp thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ không có nguyện vọng an táng hài cốt liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ.

3. Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ do gia đình quản lý vào nghĩa trang liệt sĩ.

a) Tiền đi lại và tiền ăn theo khoảng cách từ nơi di chuyển mộ đến nghĩa trang liệt sĩ.

b) Hỗ trợ một lần tiền cát bốc một hài cốt liệt sĩ.

c) Không hỗ trợ đối với trường hợp đã được hỗ trợ tiền di chuyển, cát bốc hài cốt và xây vỏ mộ liệt sĩ.

4. Hỗ trợ kinh phí một lần xây vỏ mộ liệt sĩ đối với hài cốt liệt sĩ an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ hoặc đại diện gia đình, họ tộc của liệt sĩ.

Điều 113. Điều kiện thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ

1. Điều kiện thăm viếng mộ liệt sĩ

Liệt sĩ có thông tin nơi hy sinh được ghi trong một trong các loại giấy tờ sau:

a) Liệt sĩ có tên trong danh sách quản lý mộ liệt sĩ của nghĩa trang liệt sĩ trong nước.

b) Bản sao một trong các giấy tờ sau có thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh: Giấy báo tử; giấy báo tử trận; Giấy chứng nhận hy sinh; Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ do Sở Nội vụ nơi quản lý hồ sơ gốc cấp; giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh.

c) Giấy báo tin mộ liệt sĩ do Sở Nội vụ cấp.

2. Điều kiện di chuyển hài cốt liệt sĩ

a) Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin đang an táng trong nghĩa trang liệt sĩ.

b) Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ.

c) Mộ của thương binh chết do vết thương tái phát được công nhận là liệt sĩ nay đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ.

d) Không di chuyển hài cốt trong cùng một nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

Điều 114. Hồ sơ thực hiện chế độ thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ, hỗ trợ kinh phí thăm viếng, di chuyển, xây vỏ mộ liệt sĩ

1. Hồ sơ cấp giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ

- a) Đơn đề nghị;
- b) Giấy tờ có thông tin về mộ liệt sĩ;
- c) Văn bản ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền);
- c) Giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ.

2. Hồ sơ di chuyển hài cốt liệt sĩ

- a) Đơn đề nghị;
- b) Giấy tờ có thông tin về mộ liệt sĩ;
- c) Văn bản ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền);
- d) Giấy giới thiệu di chuyển hài cốt liệt sĩ;
- đ) Biên bản bàn giao, tiếp nhận hài cốt liệt sĩ.

3. Hồ sơ thực hiện chế độ hỗ trợ kinh phí thăm viếng, di chuyển, xây vỏ mộ liệt sĩ

- a) Đơn đề nghị;
- b) Giấy giới thiệu có xác nhận của cơ quan quản lý mộ liệt sĩ; Biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ
- c) Quyết định chi hỗ trợ của Sở Nội vụ.

Chương VI

GIÁM ĐỊNH Y KHOA ĐỂ XEM XÉT CÔNG NHẬN, GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÂN NHÂN CỦA NGƯỜI CÓ CÔNG

Điều 115. Hoạt động khám giám định y khoa

1. Hoạt động khám giám định làm cơ sở để xem xét công nhận, giải quyết chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của người có công do Hội đồng giám định y khoa các cấp thực hiện gồm khám giám định lần đầu, khám giám định lại, khám giám định phúc quyết, khám giám định phúc quyết lần cuối.

2. Hội đồng giám định y khoa các cấp là Hội đồng chuyên môn về y tế bao gồm các Hội đồng sau:

- a) Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh.
- b) Hội đồng giám định y khoa các Bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Bộ Xây dựng.
- c) Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương bao gồm: Hội đồng giám định y khoa Trung ương I, Hội đồng giám định y khoa Trung ương II, Hội đồng giám định y khoa Trung ương III.

d) Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối là Hội đồng cấp cao nhất và cuối cùng về giám định y khoa do Bộ Y tế thành lập.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các cấp gồm:

a) Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh là đơn vị có chức năng chuyên trách về giám định y khoa trực thuộc Sở Y tế do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quyết định.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa các bộ do Bộ trưởng các bộ quyết định.

c) Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương là đơn vị có chức năng chuyên trách về giám định y khoa do Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định.

d) Cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa phúc quyết lần cuối là cơ quan thường trực Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương đã khám đối với đối tượng.

4. Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.

Điều 116. Thẩm quyền khám giám định y khoa

1. Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh thực hiện khám giám định lần đầu, khám giám định lại.

2. Hội đồng giám định y khoa các bộ thực hiện khám giám định lần đầu, khám giám định lại, khám giám định phúc quyết đối với người khi bị thương, bị bệnh thuộc quân đội, công an quản lý hoặc đang tại ngũ, công tác trong quân đội, công an do Bộ trưởng các bộ quy định.

Trường hợp cần thiết cơ quan quản lý đối tượng thuộc Bộ Công an có văn bản đề nghị Hội đồng giám định y khoa các cấp thuộc ngành y tế để khám giám định.

3. Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương thực hiện khám giám định phúc quyết theo quy định của Bộ Y tế đối với các đối tượng khám giám định.

4. Hội đồng khám giám định phúc quyết lần cuối khám giám định theo quy định của Bộ Y tế đối với trường hợp đối tượng khám giám định hoặc đại diện hợp pháp của đối tượng không đồng ý kết quả khám giám định của Hội đồng giám định y khoa cấp trung ương hoặc kết quả khám giám định phúc quyết của Hội đồng giám định y khoa các bộ.

Điều 117. Chi phí giám định y khoa

1. Cơ quan giới thiệu giám định y khoa có trách nhiệm trả chi phí giám định y khoa cho tổ chức thực hiện giám định theo quy định của pháp luật.

2. Phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa thực hiện theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.

3. Trường hợp Hội đồng giám định y khoa chưa khám giám định do vượt khả năng chuyên môn thì không thu phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa.

4. Trường hợp Hội đồng giám định y khoa đã thực hiện khám giám định, họp Hội đồng và kết luận vượt khả năng chuyên môn hoặc trường hợp Hội đồng giám định y khoa đang thực hiện khám giám định nhưng đối tượng bỏ ngang không tiếp tục tham gia quá trình khám giám định thì thu phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa những nội dung đã thực hiện.

5. Trường hợp khám giám định phúc quyết, khám giám định phúc quyết lần cuối theo đề nghị của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng thì phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa do người đề nghị chi trả.

Điều 118. Nội dung khám giám định y khoa

1. Đối tượng là người bị thương (khám giám định lần đầu); Hội đồng giám định y khoa khám giám định tất cả các vết thương ghi trong giấy chứng nhận bị thương được cơ quan đơn vị có thẩm quyền chuyển đến và xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

2. Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này (khám giám định vết thương tái phát): Hội đồng giám định y khoa khám giám định tất cả các vết thương ghi trong giấy chứng nhận bị thương hoặc trích lục thương tật (bao gồm cả vết thương tái phát) được cơ quan đơn vị có thẩm quyền chuyển đến và xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

3. Đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này (khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời): Hội đồng giám định y khoa khám giám định tất cả các vết thương ghi trong giấy chứng nhận bị thương hoặc trích lục thương tật được cơ quan đơn vị có thẩm quyền chuyển đến và xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

4. Đối với đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 Nghị định này:

a) Khám giám định vết thương còn sót, mảnh kim khí còn sót: Hội đồng giám định y khoa khám đúng, đủ các vết thương còn sót hoặc mảnh kim khí còn sót ghi trong giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chuyển đến và xác định tổng hợp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

b) Khám giám định bổ sung vết thương: Hội đồng giám định y khoa khám đúng, đủ các vết thương chưa được giám định ghi trong giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chuyển đến và xác định tổng hợp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

c) Đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định này, nếu trong các biên bản giám định y khoa có ghi nhận tổn thương trùng lặp ở cùng một cơ quan, bộ phận thì Hội đồng giám định y khoa khám giám định toàn bộ các vết thương được ghi nhận ở các Biên bản giám định y khoa đó và xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

5. Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 41 Nghị định này và con đẻ của họ, Hội đồng giám định y khoa khám giám định các bệnh, dị dạng, dị tật được ghi trong giấy giới thiệu của Sở Nội vụ. Không khám giám định biên chứng của bệnh đái tháo đường type 2.

6. Đối với đối tượng giám định thương tật quy định tại Điều 32 trong quá trình khám giám định nếu phát hiện ra mảnh kim khí còn sót sẽ được tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể cùng với các tổn thương khác theo quy định.

7. Đối với nội dung khám giám định “Sức ép” hoặc “Chấn thương do sóng nổ” hoặc tổn thương tai, mắt do các nguyên nhân khác:

a) Trường hợp giấy giới thiệu ghi “sức ép” hoặc “chấn thương do sóng nổ”, Hội đồng giám định y khoa chỉ khám giám định tổn thương tai, mắt, màng phổi và đánh giá chức năng tại thời điểm hiện tại, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể (trừ trường hợp đã được khám giám định và kết luận không ảnh hưởng chức năng tai, mắt, màng phổi).

b) Trường hợp giấy giới thiệu ghi cụ thể cơ quan, bộ phận bị ảnh hưởng bởi sức ép hoặc “chấn thương do sóng nổ” thì Hội đồng giám định y khoa khám giám định thêm tổn thương của cơ quan, bộ phận đó nếu không trùng với nội dung khám quy định tại điểm a khoản này để xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

c) Trường hợp bị tổn thương tai, mắt do các nguyên nhân khác, Hội đồng giám định y khoa khám giám định tổn thương tai, mắt theo quy định tại điểm a khoản này.

8. Đối với đối tượng khám giám định theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền: Hội đồng giám định y khoa khám giám định tình trạng hiện tại được ghi trong Giấy giới thiệu của Sở Nội vụ chuyên đến và xác định đúng hoặc chưa đúng với tình trạng được ghi trong hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi người có công của đối tượng. Đề nghị khám giám định quy định tại khoản này chỉ áp dụng đối với trường hợp cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phát hiện hoặc nghi ngờ hồ sơ hưởng chế độ của đối tượng chưa đúng quy định.

9. Đối với đối tượng khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể khi tổng hợp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể thì lấy tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của vết thương bổ sung hoặc vết thương còn sót (lấy tỷ lệ phần trăm cao nhất trong khung tỷ lệ tương ứng) cộng với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đã được xác định.

10. Trường hợp đối tượng là bệnh binh, nay mắc thêm bệnh có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học theo quy định tại Nghị định này, khi tổng hợp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể thì lấy tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bệnh (lấy tỷ lệ phần trăm cao nhất trong khung tỷ lệ tương ứng) cộng với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể bệnh binh đã được xác định.

11. Phương pháp tổng hợp tỷ lệ tổn thương cơ thể theo quy định của Bộ Y tế.

Chương VII **NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

Mục 1 **NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 119. Nguyên tắc quản lý, sử dụng các nguồn lực thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công

1. Nguồn lực thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật liên quan.

2. Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn các tỉnh, thành phố do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

3. Đối với chi thường xuyên phải bảo đảm đúng đối tượng, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền quy định.

4. Đối với chi đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về xây dựng.

5. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện, công cụ, dụng cụ của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

6. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, biếu, tặng cho, ủng hộ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết với các nhà tài trợ.

7. Đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, công khai, minh bạch, công bằng; có phân công, phân cấp quản lý; gắn quyền hạn với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

Điều 120. Ngân sách trung ương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây:

1. Chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng, hằng năm, một lần.
2. Đóng bảo hiểm y tế.
3. Điều dưỡng phục hồi sức khỏe.
4. Hỗ trợ phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng.
5. Chi giám định y khoa.

6. Hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

7. Chi bảo đảm thực hiện công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ thực hiện theo quy định của Chính phủ.

8. Chi bảo đảm thực hiện công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ, gồm: chi bảo đảm đối với lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ lấy mẫu hài cốt liệt sĩ và lấy mẫu thân nhân liệt sĩ; giám định ADN hài cốt liệt sĩ và mẫu đối chứng thân nhân; lưu trữ bảo quản mẫu hài cốt liệt sĩ, mẫu đối chứng thân nhân trong thời gian chờ giám định; xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp thực chứng, phương pháp giám định ADN; hoàn thiện mộ, vận chuyển mẫu, công bố kết quả xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; xây dựng, nâng cấp, quản lý cơ sở dữ liệu và chi các nhiệm vụ khác phục vụ công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ theo quy định của Chính phủ.

Đối với lực lượng được cấp có thẩm quyền huy động thực hiện nhiệm vụ lấy mẫu hài cốt liệt sĩ thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 153 Nghị định này được bảo đảm hỗ trợ tiền ăn và chế độ bồi dưỡng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 281/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với cá nhân, tổ chức làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ.

9. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ:

a) Hỗ trợ xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ từ chi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Hỗ trợ xây mới mộ liệt sĩ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, xây dựng mới các hạng mục trong công trình ghi công liệt sĩ đã được đầu tư xây dựng từ kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

10. Hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ.

11. Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ.

12. Cấp tiền mua báo Nhân dân cho người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

13. Hỗ trợ để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở.

14. Chế độ ưu đãi khác:

a) Quà tặng của Chủ tịch nước.

b) Hỗ trợ ăn thêm ngày lễ, tết đối với thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

c) Trợ cấp mai táng.

d) Hỗ trợ chi phí báo tử liệt sĩ; trợ cấp tuất một lần khi truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công”.

đ) Trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

e) Hỗ trợ người có công đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng của ngành Nội vụ: thuốc, điều trị và bồi dưỡng phục hồi sức khỏe; chi phí về thăm gia đình.

g) Hỗ trợ cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công do ngành Nội vụ: chi phí phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công; chi phí phục vụ người có công điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, giám định thương tật; chi phí đón tiếp thân nhân của người có công đến thăm người có công.

h) Hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công

Đầu tư xây dựng cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, cơ sở đón tiếp người có công và thân nhân do ngành Nội vụ quản lý được bố trí từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Hỗ trợ mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện, công cụ, dụng cụ và sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục trong các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, cơ sở đón tiếp người có công và thân nhân do ngành Nội vụ quản lý từ kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

i) Chi quà tặng của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các bộ, cơ quan trung ương đối với các cơ sở nuôi dưỡng người có công, người có công và gia đình người có công. Đối với quà tặng người có công nhân dịp tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước thì mức chi quà tặng của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định trong phạm vi dự toán đã được giao hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.

k) Đón tiếp đoàn đại biểu người có công và thân nhân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Nội vụ tổ chức đến thăm cơ quan trung ương.

15. Chi phí quản lý bảo đảm thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân được bố trí trong dự toán kinh phí hằng năm của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các tỉnh, thành phố để tổ chức thực hiện Pháp lệnh và tăng cường kiểm tra, kiểm soát đảm bảo quản lý chặt chẽ, minh bạch ngân sách nhà nước thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Chi phí quản lý các tỉnh, thành phố được bố trí bằng 1,25% tổng kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ). Bộ Nội vụ có trách nhiệm phân bổ tỷ lệ chi quản lý phù hợp với đặc thù của từng địa phương; hướng dẫn nội dung chi, mức chi công tác quản lý theo quy định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách

nhiệm quản lý, sử dụng đảm bảo trong phạm vi dự toán được giao phục vụ công tác quản lý của địa phương.

16. Chi phí quản lý bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ được bố trí trong dự toán hằng năm của Bộ Quốc phòng; chi phí quản lý bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ cấp tỉnh được bố trí trong dự toán hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Chi phí quản lý bảo đảm hoạt động tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ được bố trí trong dự toán hằng năm của Bộ Quốc phòng. Chi phí quản lý bảo đảm hoạt động xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin được bố trí trong dự toán hằng năm của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 121. Ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi sau đây:

1. Tổ chức lễ truy điệu, an táng hài cốt liệt sĩ.
 2. Chi tổ chức lễ tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, tổ chức lễ tang Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
 3. Đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.
 4. Đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, phương tiện, công cụ, dụng cụ và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công.
 5. Chi thường xuyên của cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng và cơ sở đón tiếp người có công thuộc địa phương quản lý theo quy định của pháp luật; chi chính sách chế độ cho bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sĩ và thuê người quản lý, bảo vệ chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ.
 6. Chi thăm hỏi, động viên người có công và gia đình nhân dịp lễ, tết.
 7. Chi phí đưa đón, ăn, ở trong thời gian đi đường (đi và về) và các chi phí khác phát sinh phục vụ đối tượng đi điều dưỡng tập trung; chế độ điều dưỡng đặc thù (nếu có) từ nguồn ngân sách địa phương.
- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể mức chi chế độ điều dưỡng cao hơn mức chi chế độ điều dưỡng từ nguồn ngân sách trung ương và hỗ trợ phân chênh lệch cao hơn từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.
8. Hỗ trợ để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở.
 9. Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân của người có công với cách mạng do địa phương ban hành: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định và bảo đảm kinh phí thực hiện.

Mục 2

HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI

Điều 122. Nguyên tắc huy động các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện chính sách ưu đãi người có công

1. Khuyến khích các cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân.
2. Các đóng góp của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đóng góp các nguồn lực quy định tại khoản 1 Điều này không vì mục đích lợi nhuận.

Mục 3

QUỸ ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA

Điều 123. Mục đích hoạt động của Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa hoạt động nhằm mục đích huy động các nguồn lực xã hội để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.
2. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 124. Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được thành lập ở ba cấp, gồm: Quỹ cấp Trung ương, Quỹ cấp tỉnh và Quỹ cấp xã. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa từng cấp có Ban quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc cho Ban quản lý Quỹ theo từng cấp hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
2. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa các cấp sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước để giao dịch.
3. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa các cấp thực hiện hạch toán độc lập, áp dụng chế độ kế toán đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quyết toán thu, chi theo quy định của pháp luật có liên quan; không cho vay để sinh lời, kết dư Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được luân chuyển sang năm tiếp theo.
4. Giao Bộ Quốc phòng: hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc đóng góp xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; hằng năm căn cứ vào quy mô, nội dung tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa trong quân đội, điều tiết một phần tổng số thu quỹ về Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Trung ương để thực hiện theo quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Trung ương.

Điều 125. Tổ chức vận động ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì vận động xây dựng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa.
2. Việc vận động đóng góp xây dựng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được tổ chức trong cả năm, trong đó tập trung cao điểm 01 tháng (từ ngày 28 tháng 6 đến ngày 27 tháng 7 hằng năm). Tổ chức và cá nhân có thể ủng hộ một lần hoặc nhiều lần trong một năm.

Điều 126. Đối tượng vận động ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

Đối tượng vận động ủng hộ Quỹ Đền ơn đáp nghĩa bao gồm: cá nhân, tổ chức, các cơ quan, đơn vị, trừ đối tượng quy định tại Điều 186 Nghị định này.

Điều 127. Phạm vi vận động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp xã vận động đối với:

a) Các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội do cấp xã trực tiếp quản lý.

b) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ quan công an cấp xã;

c) Các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân đóng trên địa bàn cấp xã.

2. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh vận động đối với:

a) Các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội do cấp tỉnh trực tiếp quản lý.

b) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ quan công an cấp tỉnh.

c) Các doanh nghiệp do cấp tỉnh trực tiếp quản lý.

3. Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Trung ương vận động đối với:

a) Các cơ quan của Trung ương Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đơn vị sự nghiệp do cơ quan trung ương quản lý.

c) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Công an.

d) Các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước do các cơ quan, tổ chức trung ương trực tiếp quản lý; cơ quan tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam; người Việt Nam làm việc sinh sống ở nước ngoài.

Điều 128. Đối tượng không thuộc diện vận động đóng góp Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Người chưa đủ 18 tuổi và người đã nghỉ hưu.

2. Các đối tượng đang hưởng trợ cấp, phụ cấp theo Pháp lệnh.

3. Người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

4. Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động, trợ cấp xã hội.

5. Người đang học tại các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Người mất năng lực hành vi dân sự.

Điều 129. Tổ chức hoạt động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Thẩm quyền thành lập

a) Thủ tướng Chính phủ có trách nhiệm thành lập Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trung ương và Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trung ương.

Ban quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trung ương gồm: Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm Trưởng ban; Thứ trưởng Bộ Nội vụ làm Phó Trưởng ban Thường trực; đại diện Ban Thường trực Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm Phó Trưởng ban; đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Công an làm thành viên.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã có trách nhiệm thành lập Quỹ Đền ơn đáp nghĩa và Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cùng cấp.

Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Trưởng ban Thường trực, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh làm Phó Trưởng ban, đại diện lãnh đạo Bộ Chỉ huy quân sự và Công an cấp tỉnh làm thành viên.

Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp xã gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội làm Phó Trưởng ban Thường trực, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã làm Phó Trưởng ban, đại diện lãnh đạo Ban Chỉ huy quân sự và Công an cấp xã làm thành viên.

c) Trưởng Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thành lập bộ phận giúp việc là Văn phòng Quỹ đền ơn đáp nghĩa cùng cấp, cụ thể:

Văn phòng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Trung ương đặt tại Cục Người có công, Bộ Nội vụ, gồm một số công chức kiêm nhiệm của Cục Người có công.

Văn phòng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh đặt tại Sở Nội vụ, gồm một số công chức kiêm nhiệm của Sở Nội vụ.

Văn phòng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp xã đặt tại Phòng Văn hóa - Xã hội, gồm một số công chức kiêm nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trách nhiệm

a) Ban Quản lý quỹ Đền ơn đáp nghĩa các cấp:

Chỉ đạo việc vận động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; kiểm tra các hoạt động của Quỹ Đền ơn đáp nghĩa; bảo đảm thu, chi đúng quy định; công khai, minh bạch mọi khoản thu, chi và chấp hành đúng chế độ kế toán, tài chính hiện hành và báo cáo cơ quan cấp trên.

Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp tỉnh và cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cùng cấp và trước pháp luật về tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa.

Đề nghị khen thưởng các đơn vị và cá nhân có thành tích; kiến nghị xử lý những trường hợp vi phạm.

Trưởng Ban Quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa từng cấp là Chủ tài khoản của Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cấp đó và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ.

b) Bộ phận giúp việc cho Ban quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa:

Trình Ban Quản lý Quỹ cùng cấp ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ đền ơn đáp nghĩa.

Hàng năm, lập kế hoạch và trình Ban Quản lý Quỹ về nội dung sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa.

Quản lý tài khoản và con dấu của Quỹ Đền ơn đáp nghĩa cùng cấp.

Thực hiện thu, chi, hạch toán kế toán theo quy định.

Điều 130. Nguồn thu Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Các khoản thu bằng tiền, hiện vật từ sự đóng góp theo trách nhiệm và tình cảm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân.

2. Tiếp nhận tài trợ có mục đích, có địa chỉ cụ thể để thực hiện theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền.

3. Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 131. Nội dung sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa

1. Hỗ trợ người có công hoặc thân nhân khi gia đình gặp khó khăn hoặc khi ốm đau, khám, chữa bệnh và khi qua đời.

2. Hỗ trợ địa phương có nhiều đối tượng thuộc diện chính sách ưu đãi người có công mà nguồn vận động ủng hộ thấp.

3. Tặng quà đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

4. Hỗ trợ để xây dựng và sửa chữa nhà ở đối với người có công hoặc thân nhân liệt sĩ.

5. Hỗ trợ xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình ghi công liệt sĩ.

6. Hỗ trợ giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

7. Các hoạt động phục vụ công tác quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa (mua sắm trang thiết bị, vật tư văn phòng, văn phòng phẩm, dịch vụ công cộng và các khoản chi khác), các hoạt động tuyên truyền, khen thưởng, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, vận động xây dựng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa. Các khoản chi tại khoản này không được vượt quá 5% tổng số thu hàng năm của Quỹ Đền ơn đáp nghĩa từng cấp.

8. Các nội dung chi khác đảm bảo mục đích chăm sóc về vật chất và tinh thần đối với người có công với cách mạng và thân nhân.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 132. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nội vụ có trách nhiệm:

a) Quy định chi tiết:

Thủ tục, hồ sơ công nhận, giải quyết và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng;

Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ;

Quy trình tiếp nhận hài cốt liệt sĩ, hồ sơ, thủ tục, trình tự thực hiện xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ.

Quy định triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu trong thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng;

Thủ tục, hồ sơ tặng, truy tặng Kỷ niệm chương đối với người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; giải quyết hưởng thêm một chế độ đối với thương binh, bệnh binh, mất sức lao động; cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công, thân nhân người có công; giấy báo tin mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ.

Trình tự, thủ tục để tổ chức thực hiện các biện pháp thi hành triển khai pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

Quy định chi tiết các mẫu trong Danh mục hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án về ưu đãi người có công và thân nhân.

c) Hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật ưu đãi người có công, quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về công tác người có công.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính hoặc cơ quan, đơn vị đề xuất xem xét công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người nước ngoài có công với cách mạng những trường hợp cụ thể.

e) Xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành, hướng dẫn theo thẩm quyền quy định về tổng kết thành tích bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.

2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Quy định chi tiết:

Thủ tục, hồ sơ công nhận, giải quyết chế độ ưu đãi đối với các đối tượng thuộc quân đội, cụ thể: người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày đàng tại ngũ, công tác.

Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với các đối tượng đang công tác trong quân đội hoặc quân đội đang quản lý hồ sơ, cụ thể: anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại nhà đối với người có công; cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với người có công; ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công và thân nhân của người có công; trợ cấp một lần khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần; tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi quy định tại khoản 1, 2 Điều 77 Nghị định này đối với trường hợp hồ sơ người có công do quân đội xác lập và quản lý; hưởng lại chế độ ưu đãi quy định tại khoản 1, 2 Điều 78 Nghị định này đối với trường hợp hồ sơ người có công do quân đội quản lý; hưởng lại chế độ ưu đãi đối với thương binh đã được quân đội công nhận từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước nhưng hiện nay chưa được hưởng chế độ do thất lạc hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 78 Nghị định này; hưởng lại chế độ ưu đãi đối với thương binh đã được quân đội công nhận nhưng chưa được hưởng chế độ ưu đãi do gửi sổ đi B quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định này.

Thủ tục khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với đối tượng đang tại ngũ, công tác trong quân đội: thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát; người bị thương còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương.

Thủ tục cấp giấy xác nhận giải mã phiên hiệu, ký hiệu, thời gian, địa bàn hoạt động của đơn vị quân đội; giấy xác nhận thời gian tù và nơi bị tù đối với đối tượng thuộc quân đội; cấp phiếu xác minh đối với người mất tích trong chiến tranh thuộc quân đội; cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh đối với trường hợp thuộc quân đội quản lý.

Quản lý, di chuyển, sửa đổi, bổ sung thông tin trong hồ sơ người có công do quân đội xác lập, quản lý.

b) Hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về ưu đãi người có công đối với người thuộc quân đội quản lý và người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu và học viên cơ yếu do Ban Cơ yếu Chính phủ quản lý; Điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật về hành vi vi phạm pháp

luật trong việc xác lập hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi người có công thuộc quân đội quản lý.

c) Chỉ đạo các Hội đồng giám định y khoa thuộc quân đội thực hiện việc khám giám định y khoa.

d) Hướng dẫn công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và bàn giao hài cốt liệt sĩ; hướng dẫn, tổ chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo phạm vi nhiệm vụ được giao tại Nghị định này; phối hợp xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm cho nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.

đ) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu do quân đội quản lý để tích hợp, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu người có công với cách mạng.

e) Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều ... Nghị định này.

3. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Quy định chi tiết:

Thủ tục, hồ sơ công nhận, giải quyết chế độ ưu đãi đối với các đối tượng thuộc công an, cụ thể: người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh; người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày đàng tại ngũ, công tác.

Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với các đối tượng đang công tác trong công an hoặc công an đang quản lý hồ sơ, cụ thể: anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại nhà đối với người có công; cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với người có công; ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công và thân nhân của người có công; trợ cấp một lần khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần; tạm đình chỉ, chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi quy định tại khoản 1, 2 Điều 77 Nghị định này đối với trường hợp hồ sơ người có công do công an xác lập và quản lý.

Thủ tục khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với đối tượng đang tại ngũ, công tác trong công an: thương binh, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát; người bị thương còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương.

Thủ tục cấp giấy xác nhận thời gian tù và nơi bị tù;

Quản lý, di chuyển, sửa đổi, bổ sung thông tin trong hồ sơ người có công do công an xác lập, quản lý.

b) Hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về ưu đãi người có công đối với người thuộc công an quản lý; Điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật về hành vi vi phạm pháp luật trong việc xác lập hồ sơ và thực hiện chế độ ưu đãi người có công thuộc địa phương hoặc công an quản lý.

c) Chỉ đạo các Hội đồng giám định y khoa thuộc công an thực hiện việc khám giám định y khoa.

d) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin theo phạm vi nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.

đ) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu do công an quản lý để tích hợp, chia sẻ với cơ sở dữ liệu người có công với cách mạng.

e) Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 132 Nghị định này.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Trình ban hành, hướng dẫn theo thẩm quyền việc quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện Pháp lệnh; việc lập, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công; việc miễn, giảm thuế đối với người có công và hỗ trợ cơ sở vật chất, nguồn vốn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh; quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định y khoa.

b) Bảo đảm ngân sách thực hiện chế độ ưu đãi người có công.

c) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung thuộc thẩm quyền và định kỳ báo cáo theo quy định.

5. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Trình ban hành, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân người có công; việc lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe, thực hiện chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng tại nhà đối với người có công và thân nhân liệt sĩ.

b) Hướng dẫn, quy định về xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tật, bệnh tật, dị dạng, dị tật và tổ chức khám giám định đối với người bị thương, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, người bị bệnh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con của người có công;

c) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung thuộc thẩm quyền và định kỳ báo cáo theo quy định.

6. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Trình ban hành, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện chế độ ưu đãi về nhà ở đối với người có công, thân nhân người có công.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

c) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung thuộc thẩm quyền và định kỳ báo cáo theo quy định.

7. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Trình ban hành, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với người sử dụng đất là người có công và thân nhân; đất dành riêng cho các công trình ghi công liệt sĩ, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng cho người có công; sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp bằng các hình thức ưu tiên giúp đỡ về giống, vật nuôi, cây trồng, thủy lợi phí, chế biến nông sản, lâm sản, áp dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung thuộc thẩm quyền và định kỳ báo cáo theo quy định.

8. Các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về ưu đãi người có công.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách chi thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công và thân nhân bao gồm ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương và ngân sách địa phương bố trí chi các chính sách, chế độ ưu đãi người có công và thân nhân.

b) Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm việc thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công theo quy định tại Nghị định này.

c) Chỉ đạo thực hiện việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng 30% là thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh.

d) Quyết định các hình thức thực hiện chi trả trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng tại địa phương; phân công cơ quan chịu trách nhiệm quản lý kinh phí, thực hiện chi trả trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng tại địa phương; ban hành tiêu chí, điều kiện lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Pháp lệnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn.

b) Thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền theo quy định.

Điều 133. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tiếp tục áp dụng quy định về điều kiện tiêu chuẩn, thủ tục hồ sơ và thời điểm hưởng trợ cấp tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và văn bản hướng dẫn thực hiện để giải quyết những hồ sơ đề nghị công nhận người có công đã hoàn thiện từ ngày 15 tháng 02 năm 2022 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã được Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Ban Đảng, Ban Cán sự đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy trực thuộc trung ương, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân hoàn thiện hồ sơ và đã trình ký Quyết định công nhận.

b) Hồ sơ liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hy sinh, giấy chứng nhận bị thương, giấy chứng nhận bị bệnh.

c) Hồ sơ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đã có Biên bản giám định của Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh.

d) Hồ sơ người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày đã được Sở Nội vụ thẩm định, lập danh sách đề ban hành quyết định trợ cấp.

2. Người hy sinh, người bị thương, người bị bệnh trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 nếu không đủ điều kiện, tiêu chuẩn công nhận người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 thì được áp dụng điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ quy định tại Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 04/2012/PL-UBTVQH13, Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và văn bản hướng dẫn thực hiện các Pháp lệnh, Nghị định nêu trên để lập hồ sơ công nhận liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, một số mẫu hồ sơ thực hiện theo quy định tại Nghị định này, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ công nhận liệt sĩ: Giấy chứng nhận hy sinh theo danh mục hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng Phụ lục I Nghị định;

b) Hồ sơ công nhận thương binh: Giấy chứng nhận bị thương, Biên bản kiểm tra vết thương thực thể, Phiếu thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận thương binh, Giấy giới thiệu khám giám định y khoa, Biên bản giám định y khoa và Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Danh mục hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng Phụ lục I Nghị định.

c) Hồ sơ công nhận bệnh binh: Giấy chứng nhận bị bệnh, Phiếu thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận bệnh binh, Giấy giới thiệu khám giám định y, Biên bản giám định y khoa và Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận bệnh binh và trợ cấp, phụ cấp ưu đãi theo Danh mục hồ sơ công nhận, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng Phụ lục I Nghị định.

3. Thời điểm hưởng chế độ đối với người có công được công nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này và thân nhân thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

4. Thương binh loại B quy định tại khoản 3 Điều 23 Pháp lệnh được tiếp tục hưởng các chế độ ưu đãi như sau:

a) Trợ cấp, phụ cấp hằng tháng theo tỷ lệ tổn thương cơ thể của từng người.

b) Các chế độ ưu đãi khác được thực hiện như đối với thương binh có cùng tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Pháp lệnh.

5. Tiếp tục thực hiện nuôi dưỡng tập trung đối với những trường hợp đã tiếp nhận vào các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

6. Trường hợp người có công hoặc thân nhân được truy lĩnh trợ cấp, phụ cấp thì thực hiện theo mức trợ cấp, phụ cấp quy định tại từng thời điểm.

7. Điều kiện hưởng, thời điểm hưởng, mức hưởng của các chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân quy định tại Chương III Nghị định này được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật tại từng thời kỳ.

Điều 134. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.

2. Những nội dung dẫn chiếu tại Nghị định này được thay đổi khi các văn được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện cập nhật thay đổi của văn bản được dẫn chiếu.

3. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 4, khoản 1 và từ khoản 3 đến khoản 11 Điều 5 Chương II của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ và từ Điều 4 đến Điều 41 Chương II của Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh

vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng